

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Phương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KQKD TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI
DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI QUANG DOANH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Phương
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Ninh Thị Thùy Trang**

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Phương

Mã SV:1412401115

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
KQKD tại Công ty TNHH vận tải dịch vụ và thương mại
Quang Doanh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. vừa và nhỏ.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải dịch vụ và thương mại Quang Doanh.
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải dịch vụ và thương mại Quang Doanh, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2016 của Công ty TNHH vận tải dịch vụ và thương mại Quang Doanh.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH vận tải dịch vụ và thương mại Quang Doanh.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty TNHH vận tải dịch vụ và thương mại Quang Doanh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Bùi Thị Phương

ThS. Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Ninh Thị Thùy Trang
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh - Trường ĐH Dân Lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Bùi Thị Phương Chuyên ngành: Kế toán - kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty TNHH vận tải dịch vụ và thương mại Quang Doanh
Nội dung hướng dẫn: Lý luận chung và thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty TNHH vận tải dịch vụ và thương mại Quang Doanh.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Nghiêm túc, tự giác trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Thực hiện tốt yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao, đảm bảo đúng tiến độ.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối khoa học và hợp lý, chia làm 3 chương:

Chương I: Tác giả hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Chương II: Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải dịch vụ và thương mại Quang Doanh, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2016). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán tương đối hợp lý và logic.

Chương III: Tác giả đánh giá những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã

đưa ra một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ TT200/2014/TT - BTC	2
1.1. Doanh thu và kế toán doanh thu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Khái niệm về doanh thu.....	2
1.1.2. Kế toán doanh thu.....	3
1.2. Chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp	10
1.2.1. Khái niệm về chi phí.....	10
1.2.2. Kế toán chi phí	12
1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	25
1.3.1. Khái niệm	25
1.3.3. Chứng từ sử dụng	26
1.3.4. Tài khoản sử dụng	26
1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	27
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	27
1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	28
1.4.3. Hình thức Chứng từ - Ghi sổ	29
1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính	30
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI QUANG DOANH	33
2.1. Tổng quan về Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.....	33
2.1.1. Giới thiệu về Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.....	33
2.1.2. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.	34
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.	36
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.	38

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh	38
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh	45
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh	45
2.2.4. Kế toán các khoản thu nhập khác tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.	49
2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.....	49
2.2.6. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh	56
2.2.7. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.....	65
2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.	69
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI QUANG DOANH	79
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh. ..	79
3.1.1. Ưu điểm của công ty.....	79
3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.....	80
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.....	81
3.2.1. Giải pháp 1: Mở sổ chi tiết theo doanh thu, giá vốn cho từng loại hình kinh doanh vận tải	81
3.2.2. Giải pháp 2: Mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh cho từng hoạt động và thực hiện công tác phân tích chi phí nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh.	87
3.2.3. Giải pháp 3: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	92
3.2.3. Giải pháp 3: Áp dụng phần mềm kế toán	94
KẾT LUẬN	96
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	97

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế đất nước ta ngày càng phát triển, vai trò của các doanh nghiệp sản xuất cũng như các doanh nghiệp thương mại hết sức quan trọng. Để ngày càng phát huy vai trò cũng như tạo nên sức mạnh trong việc đầu tư và phát triển, doanh thu là mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp trong việc sản xuất, kinh doanh. Để đạt được điều đó không phải dễ dàng, mỗi doanh nghiệp phải có một chiến lược kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả, cũng như tạo nên nguồn lợi nhuận nuôi sống bộ máy doanh nghiệp, đặc biệt là góp phần tạo nên bộ mặt kinh tế đất nước. Do đó, tại Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh em quyết định tìm hiểu chuyên đề báo cáo “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh” để tìm hiểu doanh nghiệp hoạt động như thế nào mà có thể duy trì và ngày càng phát triển như ngày nay.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 phần:

Phần 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT - BTC

Phần 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

Phần 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ban Giám Đốc, các anh chị trong phòng kế toán của công ty cùng sự hướng dẫn của cô giáo – ThS. Ninh Thị Thùy Trang, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định công tác kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Dịch vụ thương mại Quang Doanh. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ TT200/2014/TT - BTC

1.1. Doanh thu và kế toán doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm về doanh thu.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Có các loại doanh thu như:

✓ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyên, phí lắp đặt...) nếu có.

✓ Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

✓ Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.

- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.1.2. Kế toán doanh thu

1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì kế toán phải căn cứ vào bản chất giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

- Một hợp đồng kinh tế có thể bao gồm nhiều giao dịch. Kế toán phải nhận biết các giao dịch để áp dụng các điều kiện ghi nhận doanh thu phù hợp.

- Doanh thu phải được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn là hình thức hoặc tên gọi của giao dịch và phải được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa, dịch vụ.

- Đối với các giao dịch làm phát sinh nghĩa vụ của người bán ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, doanh thu phải được phân bổ theo giá trị hợp lý của từng nghĩa vụ và được ghi nhận khi nghĩa vụ đã được thực hiện.

- Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế. Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa. Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản, nợ phải trả không được coi là chưa thực hiện do tại thời điểm đánh giá lại, đơn

vị đã có quyền đòi với tài sản và đã có nghĩa vụ nợ hiện tại đối với các khoản nợ phải trả

- Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba.
- Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo đúng quy định của pháp luật. Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.
- Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. (Theo thông tư 200/2014/TT - BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- ✓ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.

TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ cấp

TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK5118 – Doanh thu khác.

- ✓ Kết cấu tài khoản

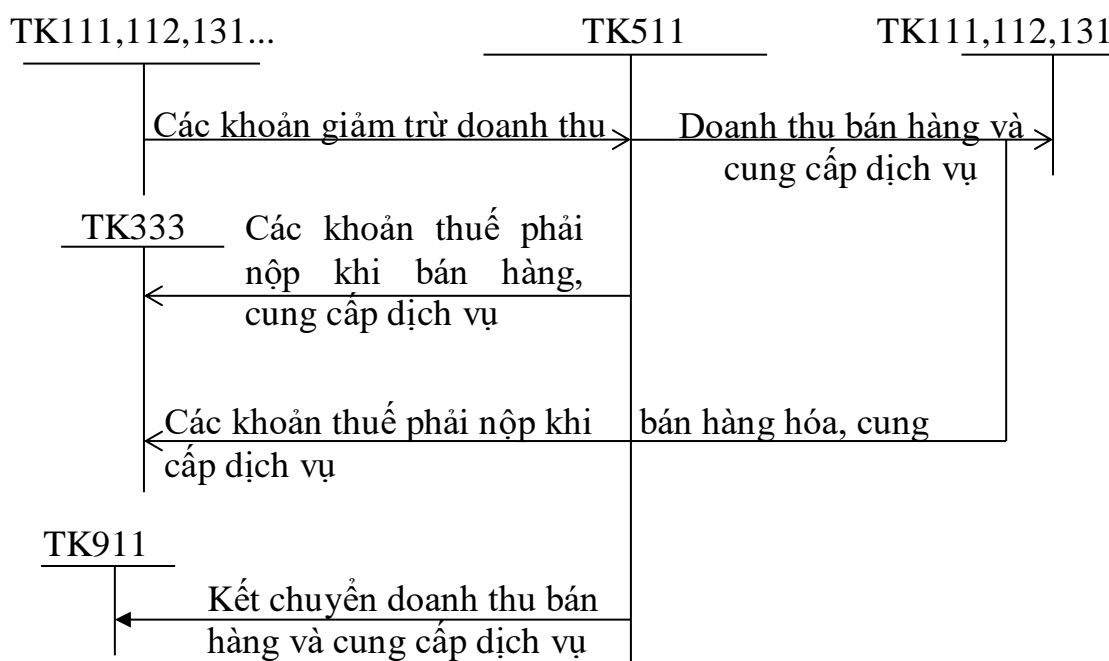
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

• Chứng từ sử dụng:

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán như sau:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng, séc thanh toán...
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

• Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- ✓ Cách hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) theo thông tư 200/2014/TT - BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Doanh nghiệp chiết khấu thương mại cho khách hàng:

Nợ TK 5211: Phần chiết khấu cho khách hàng chưa thuế GTGT

Nợ TK 3331: Phần thuế GTGT trên giá hàng chiết khấu cho khách

Có TK 111,112, 131..: Tổng giá trị chiết khấu cho khách

Doanh nghiệp giảm giá hàng bán cho khách hàng:

Nợ TK 5213: Giá trị giảm giá hàng bán cho khách hàng chưa thuế GTGT

Nợ TK 3331: Phần thuế GTGT trên giá trị giảm giá hàng bán

Có TK 111,112, 131..: Tổng giá trị giảm giá hàng bán

Doanh nghiệp chấp nhận lại hàng đã bán:

Nợ TK 5212: Giá trị hàng bán bị trả lại chưa thuế GTGT

Nợ TK 3331: Phần thuế GTGT của số hàng đã bán bị trả lại

Có TK 111,112, 131...: tổng giá trị hàng bán bị trả lại

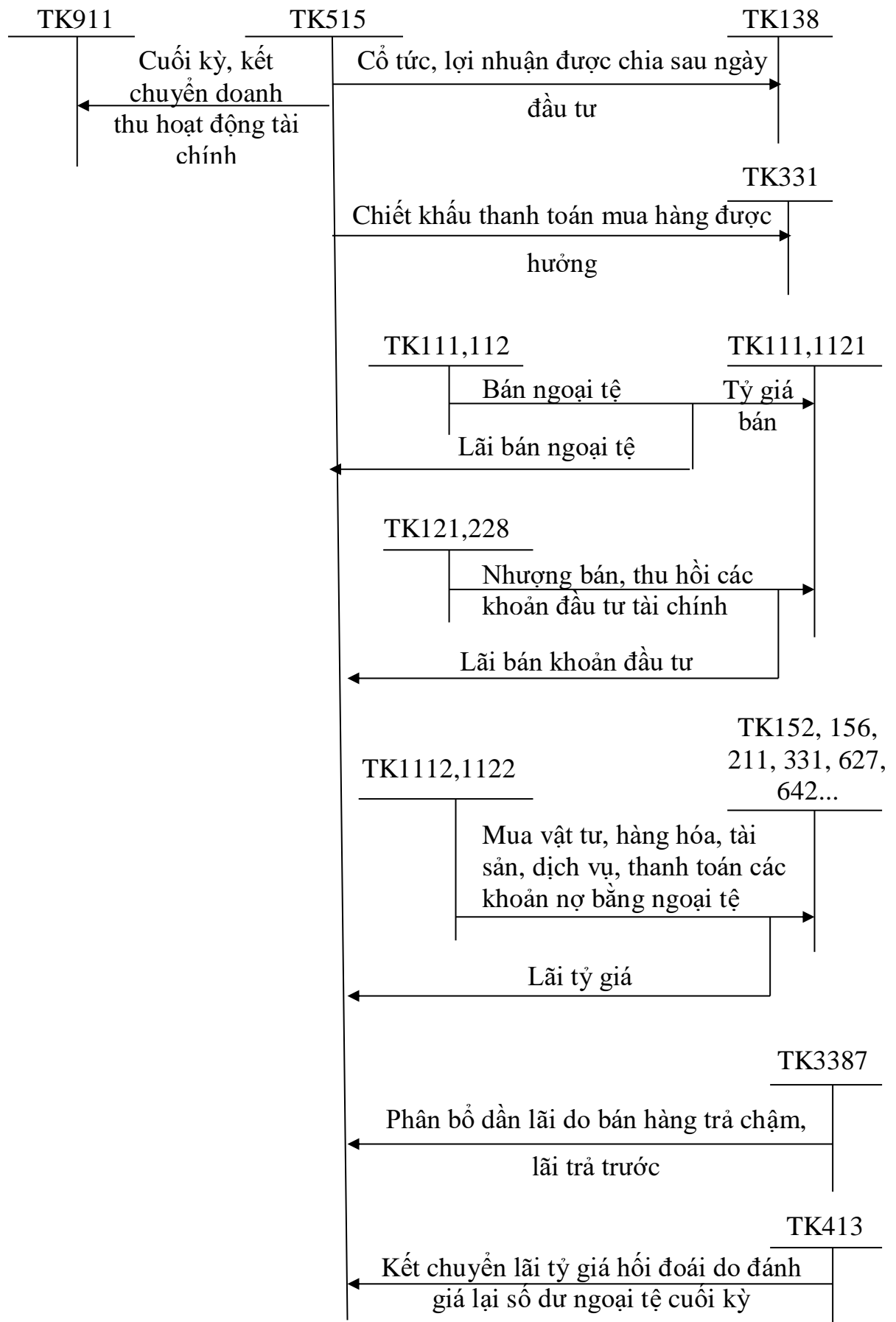
1.1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”	<ul style="list-style-type: none">• Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

- Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo lãi, Giấy báo Có của ngân hàng.
 - Bản sao kê của ngân hàng.
 - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác.

• Sơ đồ hạch toán



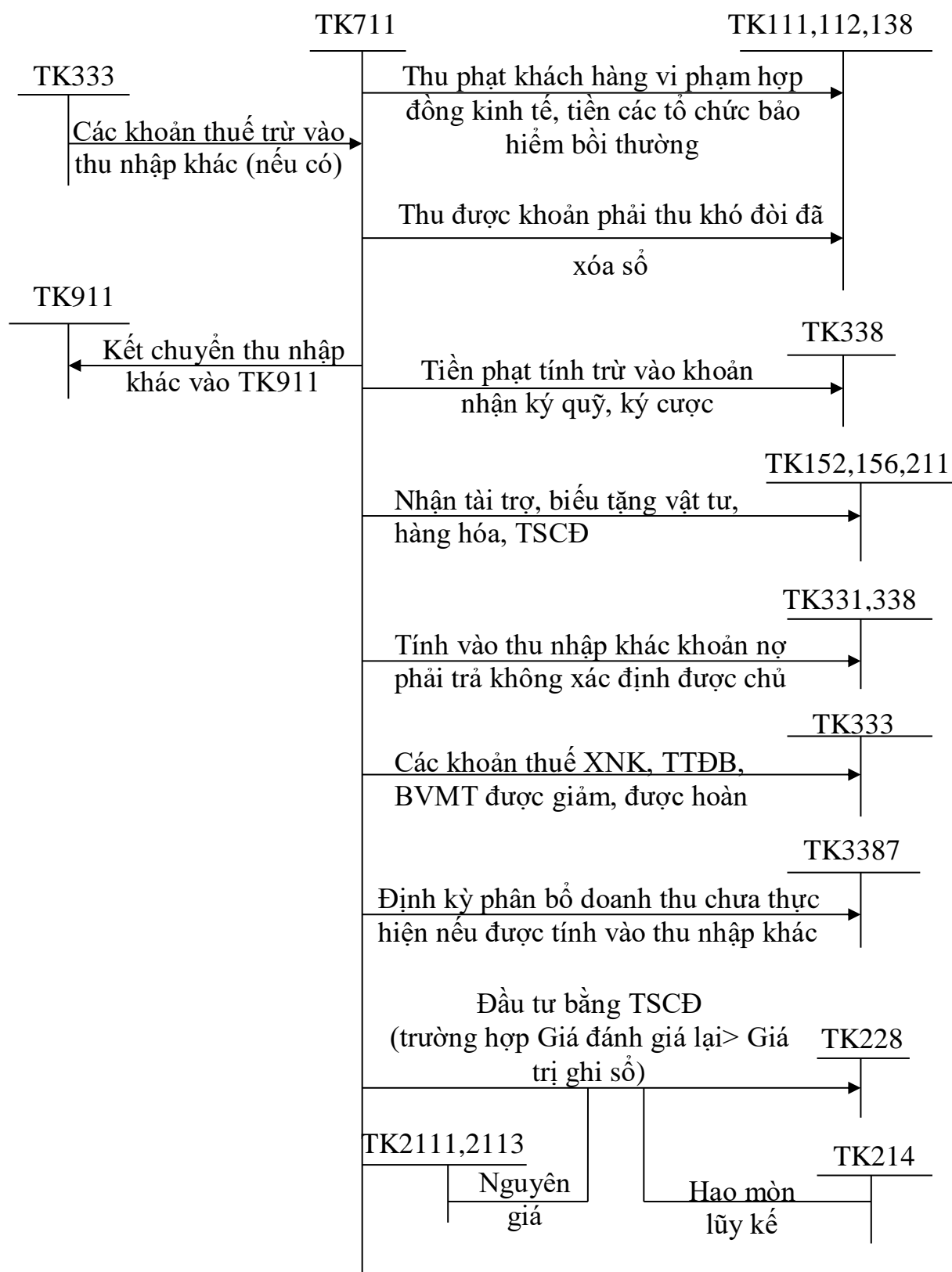
Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.2.4. Thu nhập khác

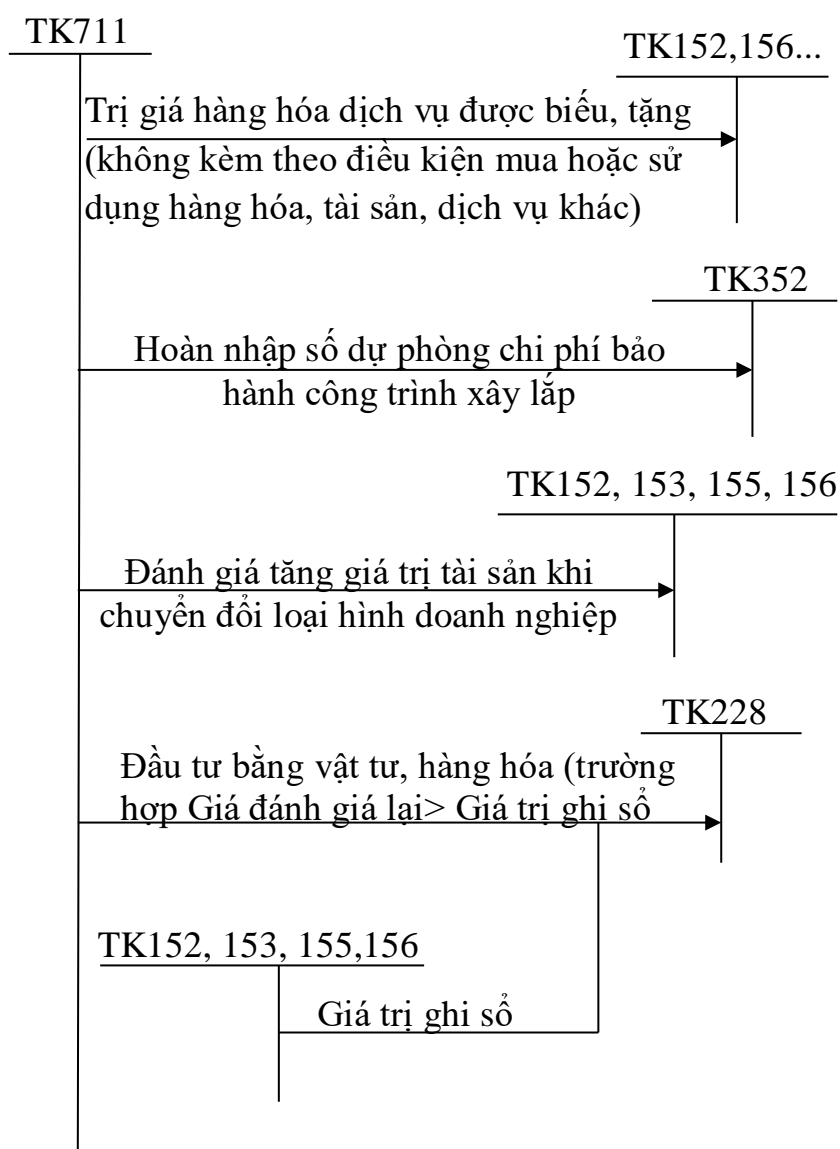
- Tài khoản sử dụng
Tài khoản 711: Thu nhập khác
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu thu
 - Giấy báo Có của ngân hàng
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
 - Các chứng từ khác có liên quan...
- Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác (tiếp)

1.2. Chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm về chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Bao gồm:

- Chi phí giá vốn hàng bán: Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp (đối với các doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi

phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

- Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Chi phí bán hàng được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ, bảo hành, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.
- Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:
 - Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
 - Chiết khấu thanh toán cho người mua
 - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch chứng khoán
 - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ. Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Lỗ bán ngoại tệ.
 - Sổ trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
 - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
 - Các khoản chi phí tài chính khác.
- Chi phí hoạt động khác: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:
 - Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
 - Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
 - Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
 - Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá vỡ.

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính
- Các khoản chi phí khác

1.2.2. Kế toán chi phí

1.2.2.1. Nguyên tắc kế toán chi phí

✓ Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản đó nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

✓ Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

✓ Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

✓ Các khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.2.2. Chi phí giá vốn hàng bán

❖ Các phương pháp xác định giá vốn

- Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp này giá xuất kho hàng hóa được tính theo đơn giá bình quân

$$\text{Giá thực tế NVL, hàng hóa xuất dùng} = \frac{\text{Số lượng xuất dùng}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

- Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO): hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mùa vào trong kỳ

- Phương pháp thực tế đích danh: theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

- Phương pháp tính giá bán lẻ: Doanh nghiệp áp dụng kỹ thuật tính giá bán lẻ phải thỏa mãn cả 2 điều kiện sau:

- Các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực siêu thị hoặc tương tự bởi vì số lượng hàng hóa được bán ra trong ngày rất nhiều, nếu sau lần xuất hàng lại làm bút toán hạch toán giá vốn thì sẽ không kịp ghi nhận các bút toán này.

- Các doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Cách tính giá hàng tồn kho theo phương pháp tính giá bán lẻ

Giá trị xuất kho của hàng hóa = Giá bán hàng tồn kho – Lợi nhuận biên.

+ Giá bán hàng tồn kho: Giá gốc hàng tồn kho x tỷ lệ % lợi nhuận định mức.

Tỷ lệ này tùy từng thời điểm, từng mặt hàng được quy định khác nhau, phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Lợi nhuận biên: Mỗi mặt hàng có một tỷ lệ % lợi nhuận biên khác nhau.

❖ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

❖ Kết cấu tài khoản: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

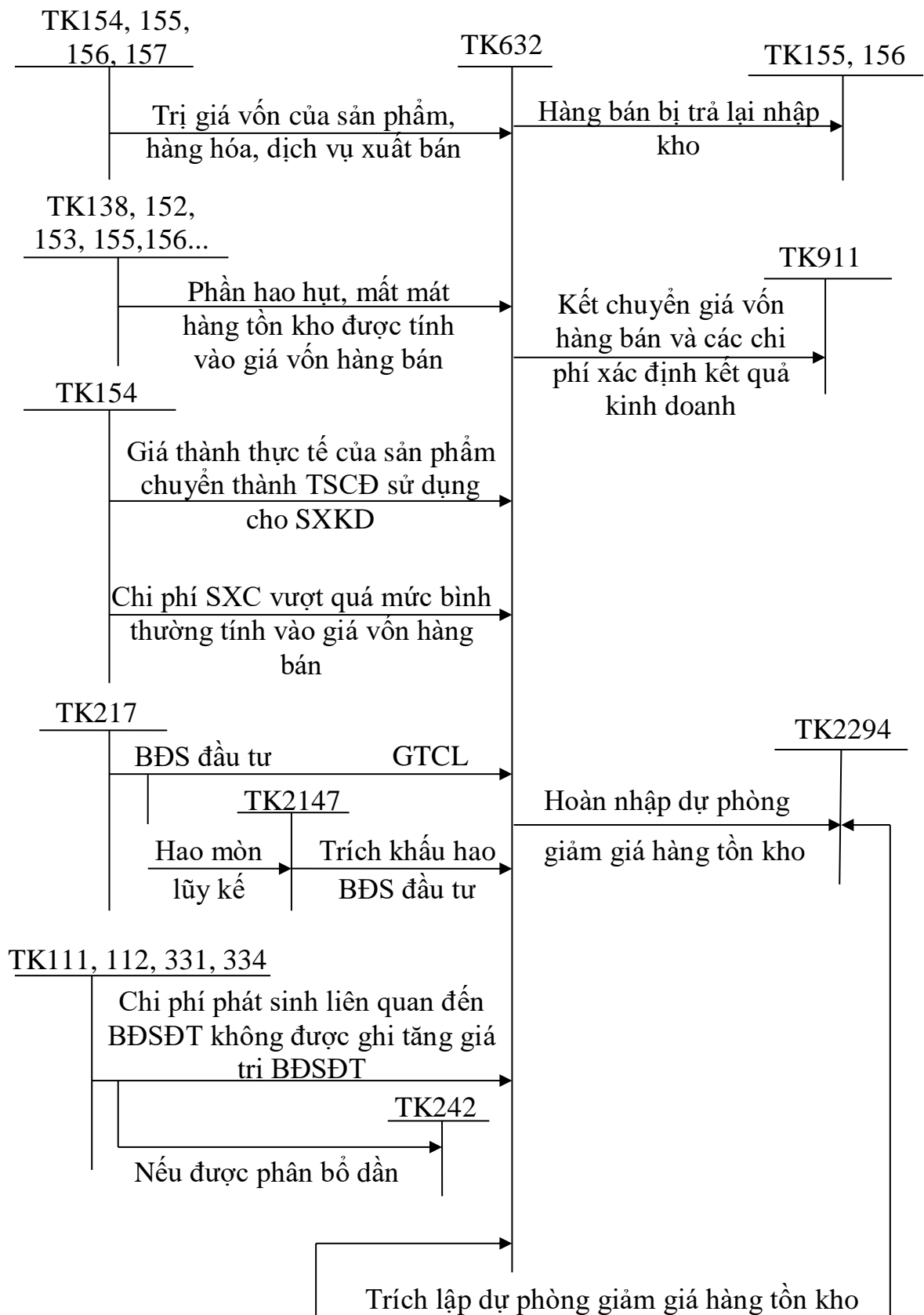
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh: + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. + Các khoản hao hụt, mất mát của 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” • Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. • Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm

<p>hàng tồn kho sau khi trừ phân bổ thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</p> <p>+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh: <ul style="list-style-type: none"> + Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ. + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT. + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ + Giá trị còn lại của BĐSĐT bán , thanh lý trong kỳ. + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ + Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá + Chi phí trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán. 	<p>tài chính (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. • Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại • Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại
<p>Tổng phát sinh nợ</p>	<p>Tổng phát sinh có</p>

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

1.2.2.3. Chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Chi phí quản lý kinh doanh có 8 tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí nhân viên

TK 6422 – Chi phí nguyên vật liệu, bao bì

TK 6423 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 – Chi phí bảo hành

TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý kinh doanh có 8 tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí

TK 6426 – Chi phí dự phòng

TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

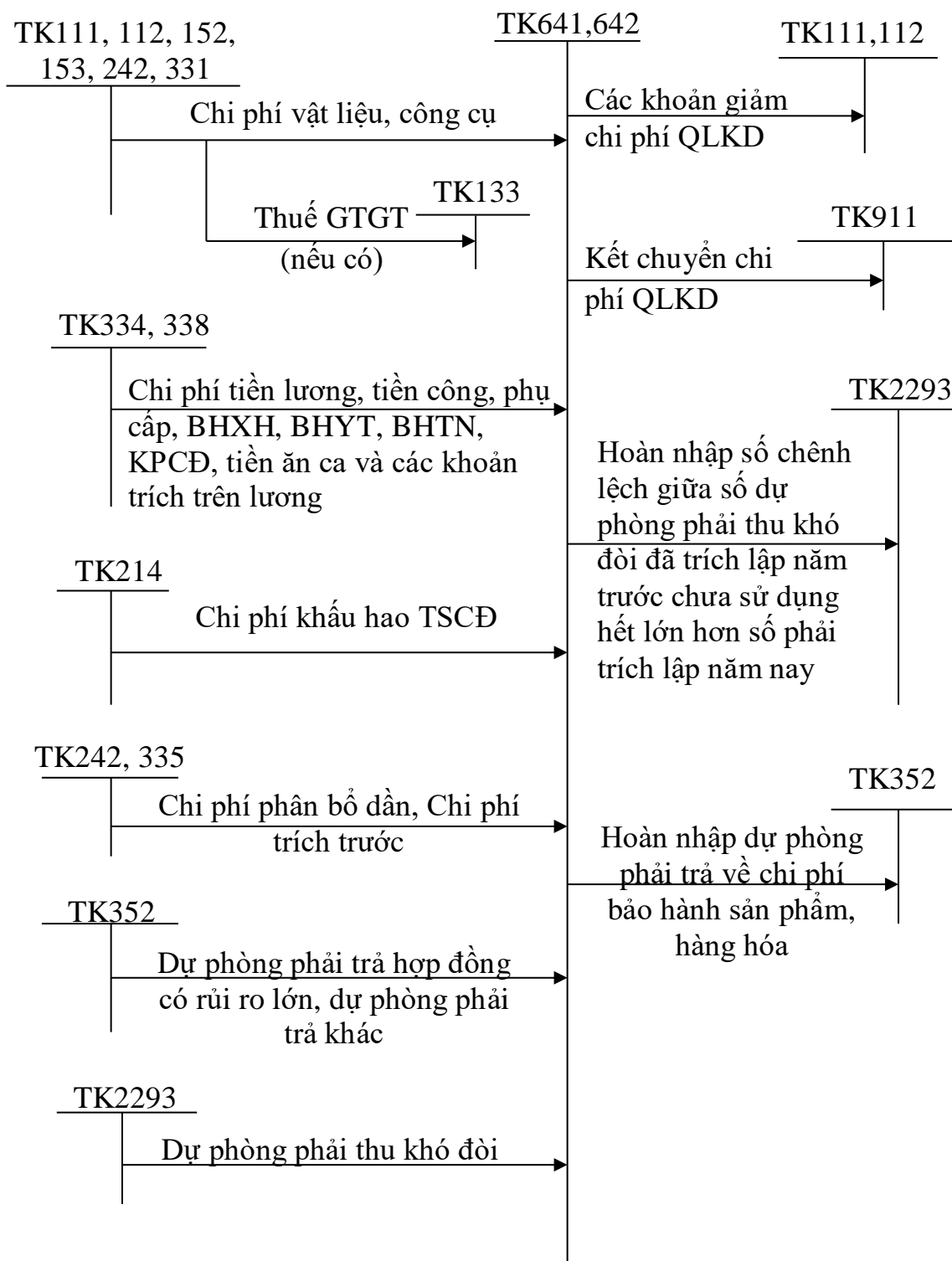
• Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 641, 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải trả lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

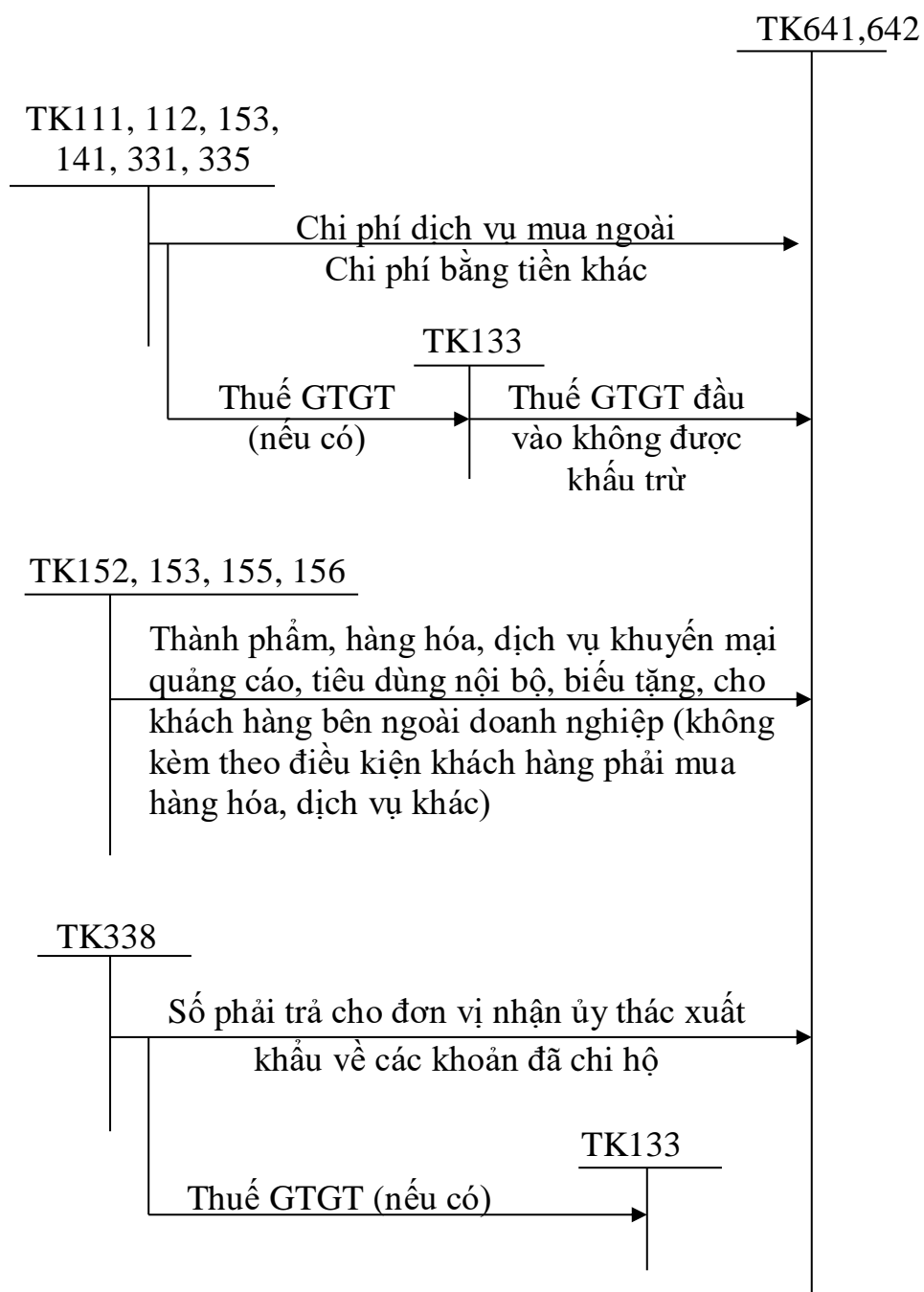
• Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Hoa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ có liên quan khác

• Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



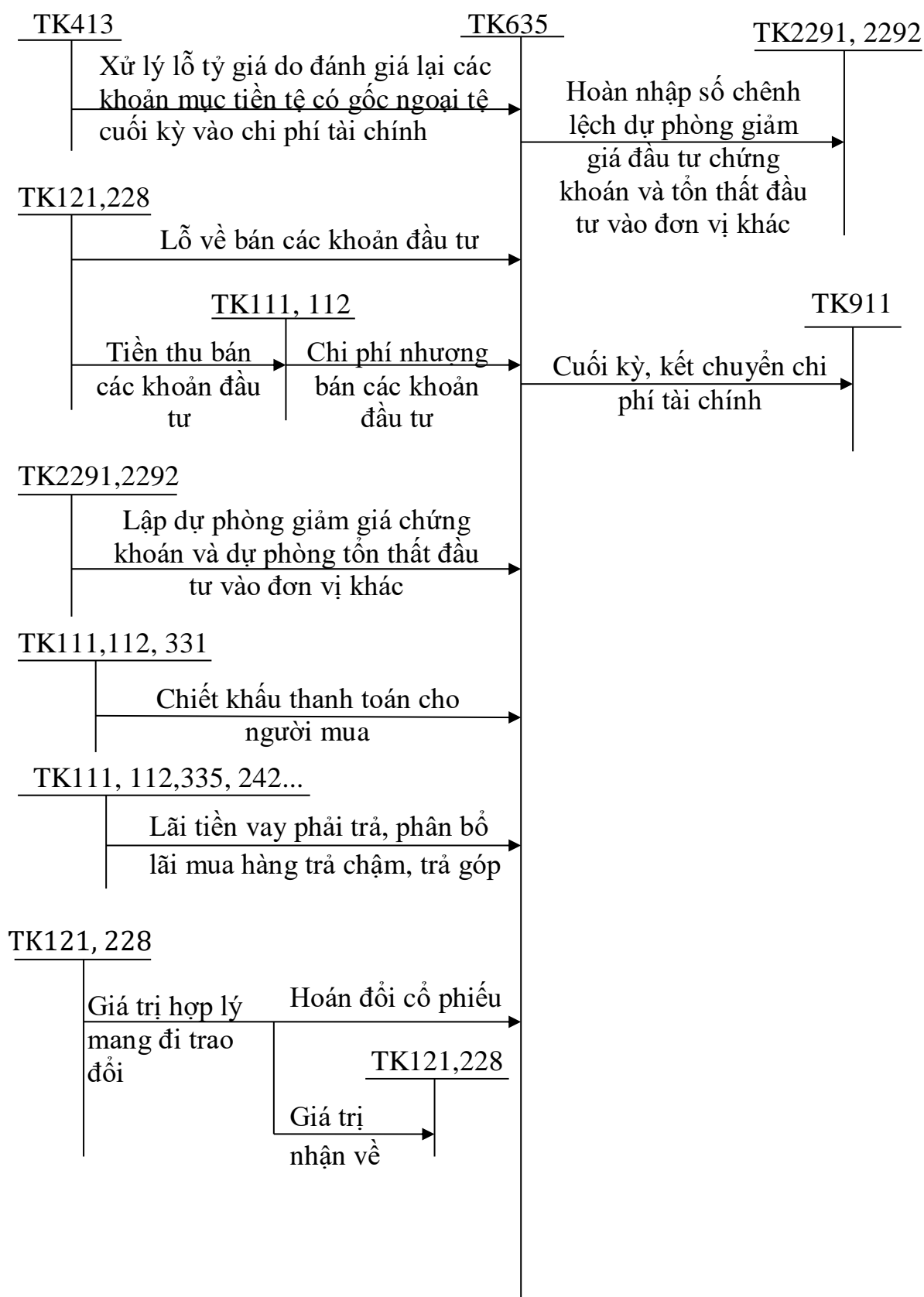
Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp)

1.2.2.4. Chi phí tài chính

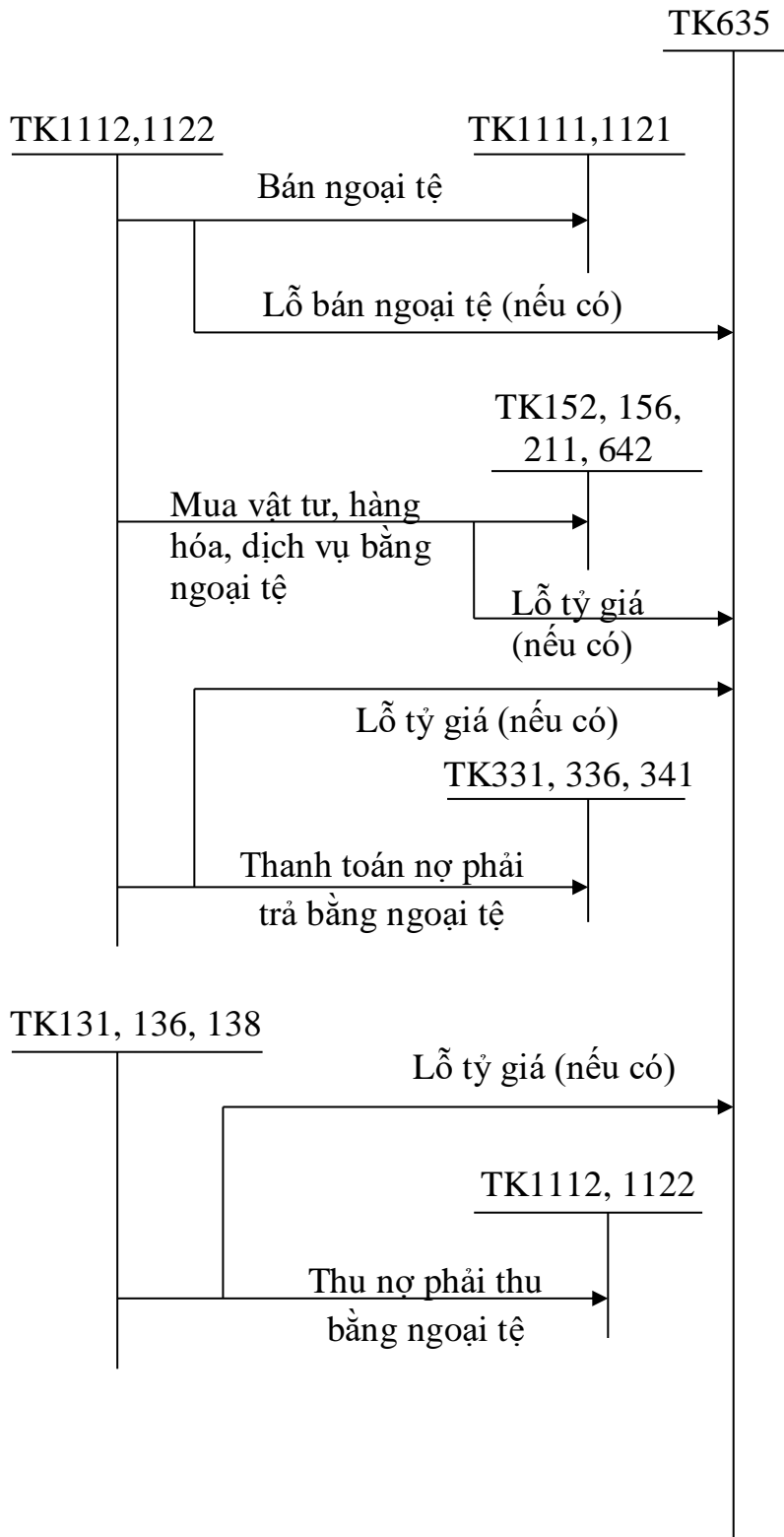
- Tài khoản sử dụng
Tài khoản 635 – Chi phí tài chính
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản tài chính phát sinh trong kỳ • Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước) 	<ul style="list-style-type: none"> • Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) • Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính • Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo lãi, Giấy báo Có của ngân hàng
 - Bản sao kê của ngân hàng
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác
- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí tài chính



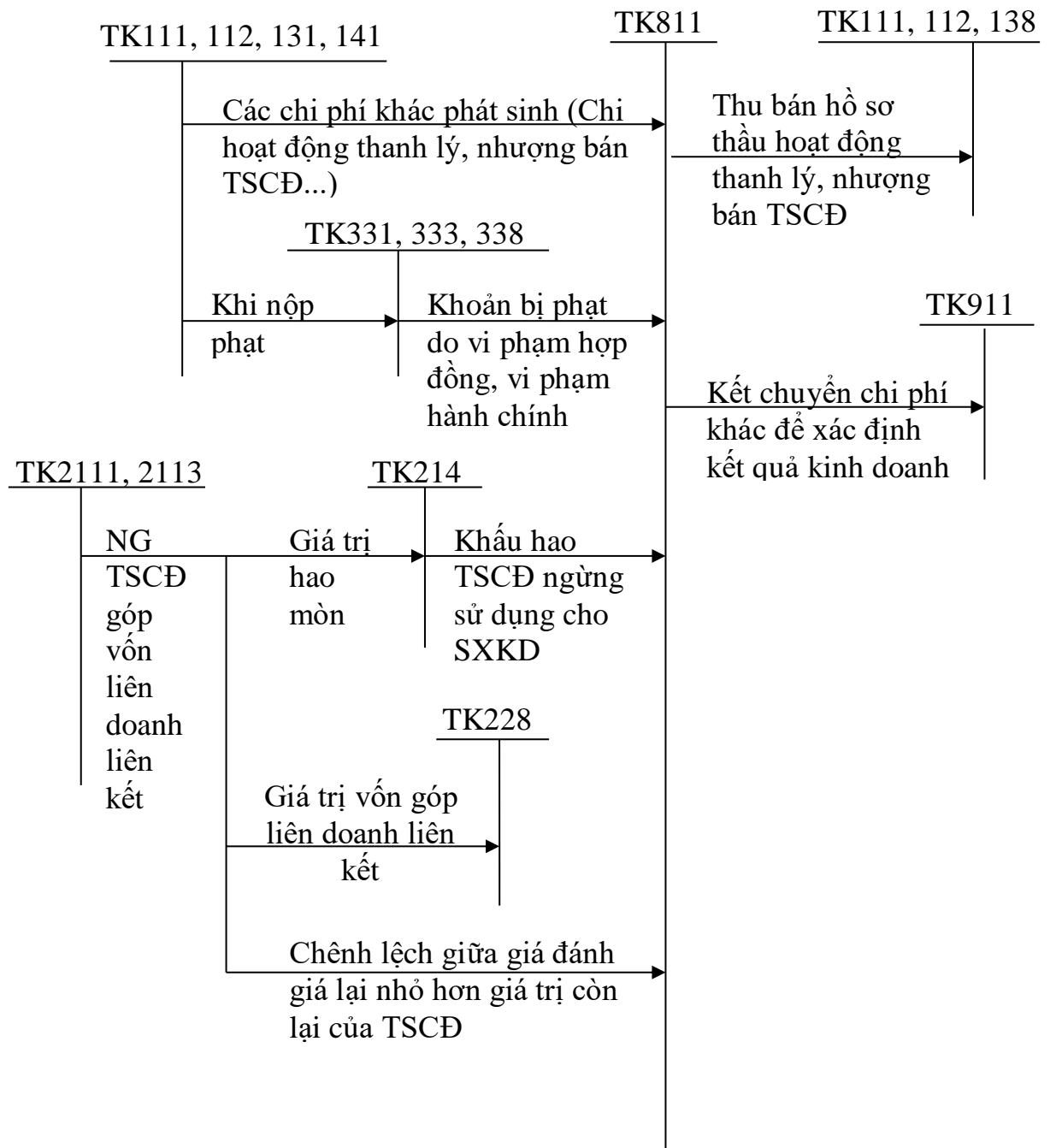
Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí tài chính (tiếp)

1.2.2.5. Chi phí hoạt động khác

- Tài khoản sử dụng
Tài khoản 811 – Chi phí khác
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Giấy báo Nợ củ ngân hàng
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí khác

1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.1. Khái niệm

Là kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- Kết của hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lợi nhuận kế toán trước thuế = **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** - **Lợi nhuận từ hoạt động khác**

1.3.3. Chứng từ sử dụng

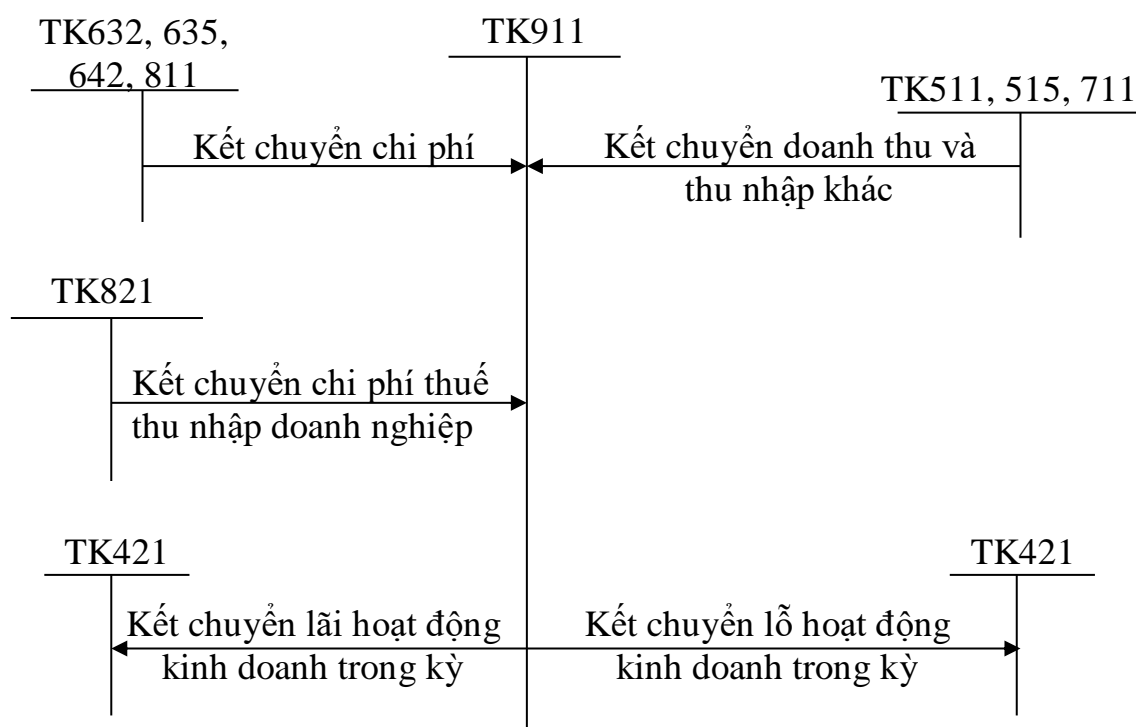
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan

1.3.4. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán • Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác • Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp • Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ • Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp • Kết chuyển lỗ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

1.3.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ Nhật ký, Sổ Cái. Sổ kế toán chi tiết: Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Các hình thức sổ kế toán trong doanh nghiệp gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

a) Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh để phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

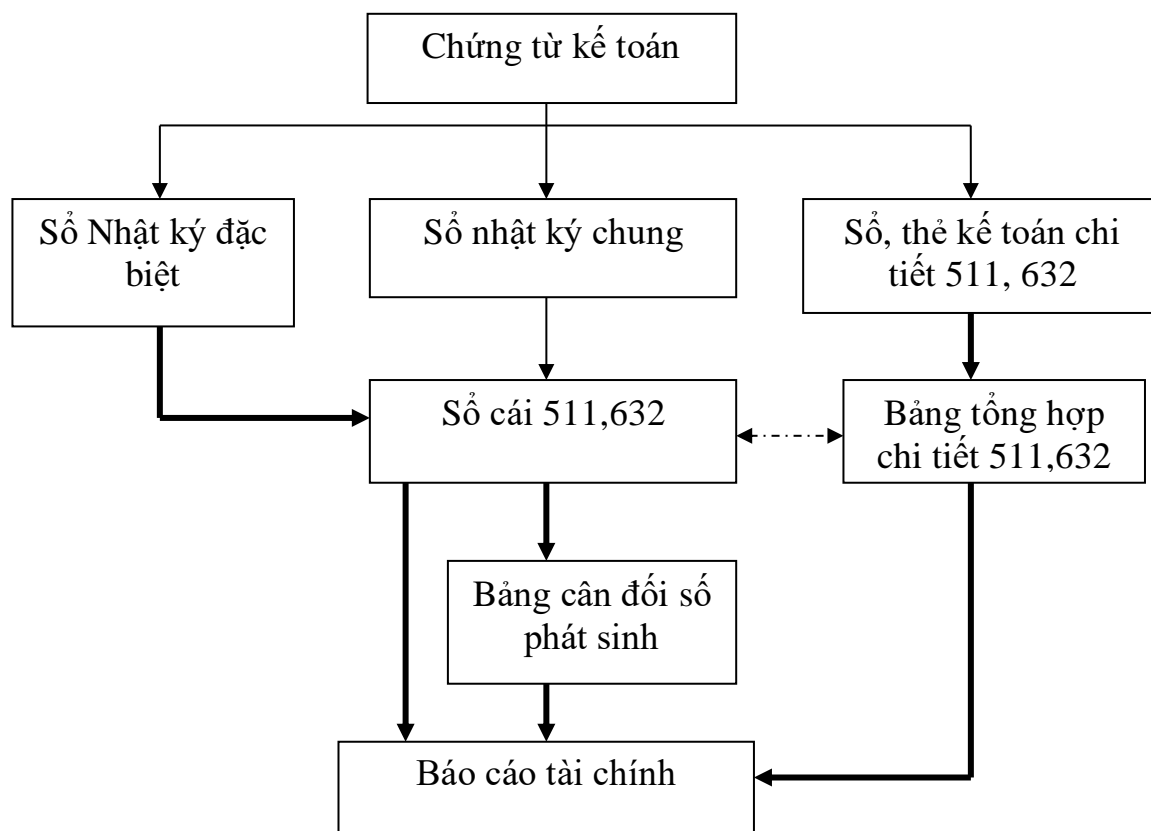
b) Trình tự ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập

các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ số phát sinh Có trên Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ —————→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

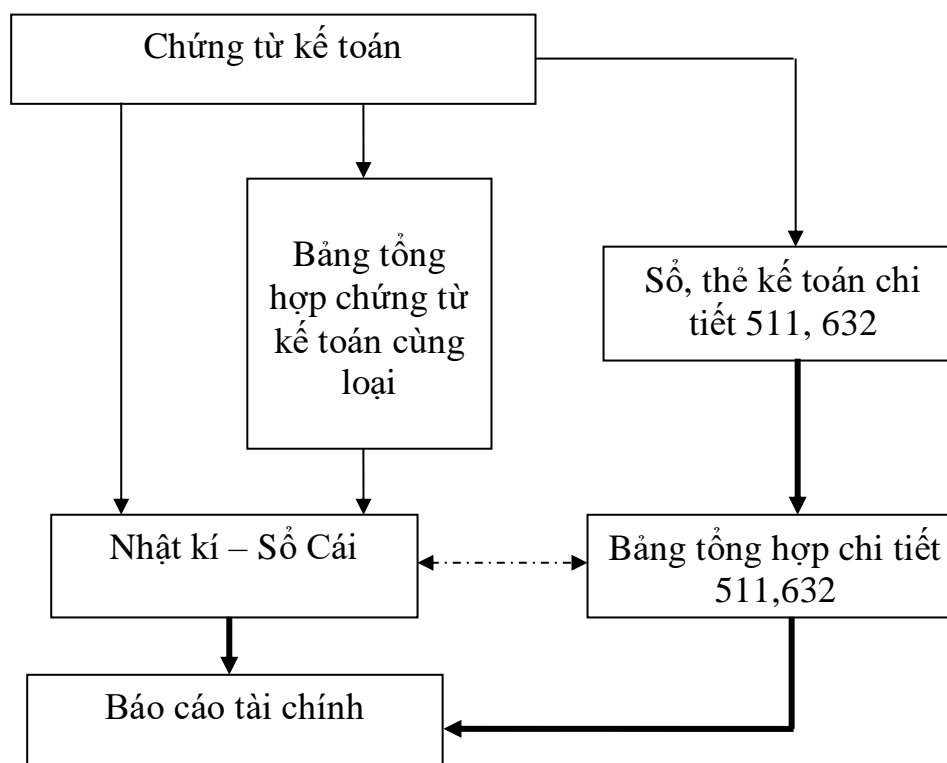
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là ác chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.4.3. Hình thức Chứng từ - Ghi sổ

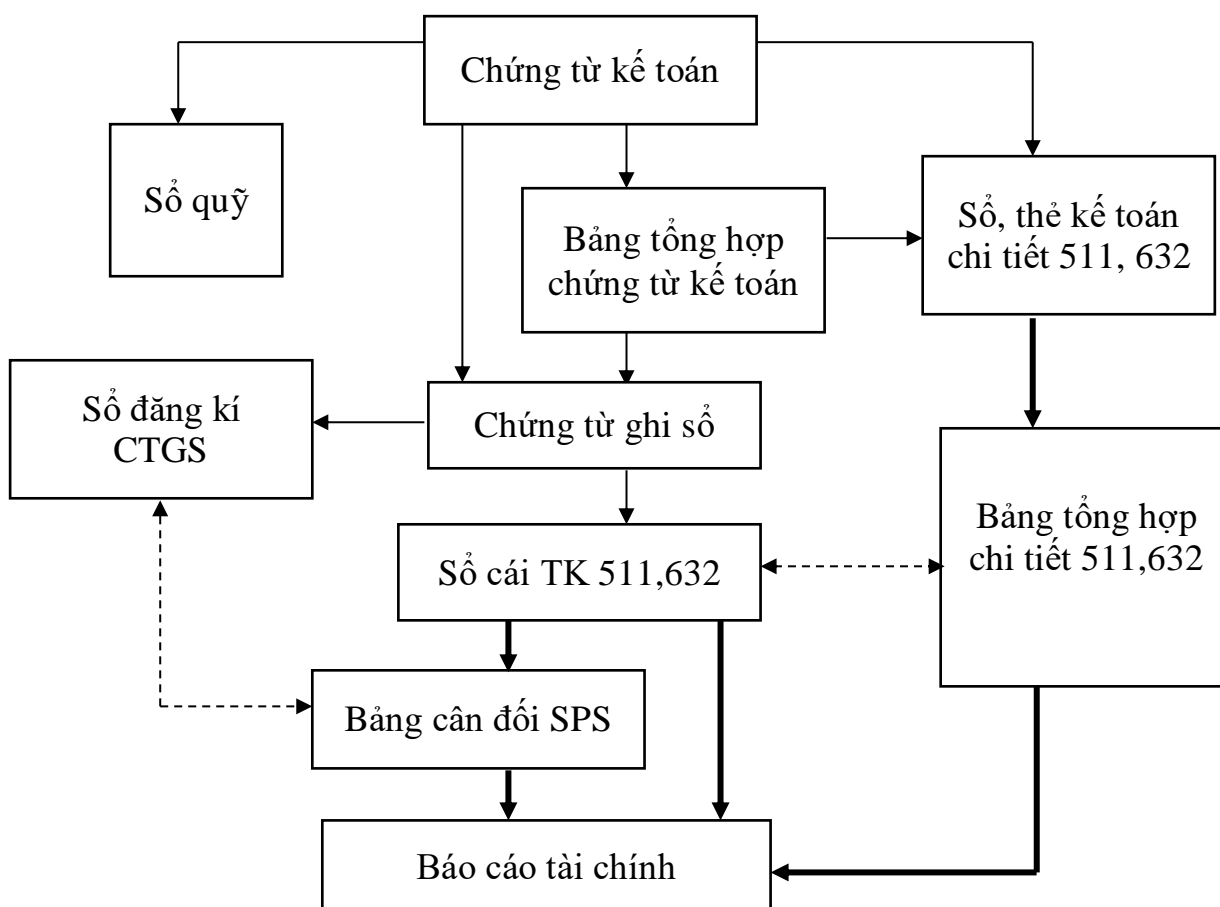
Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Chứng từ - Ghi sổ

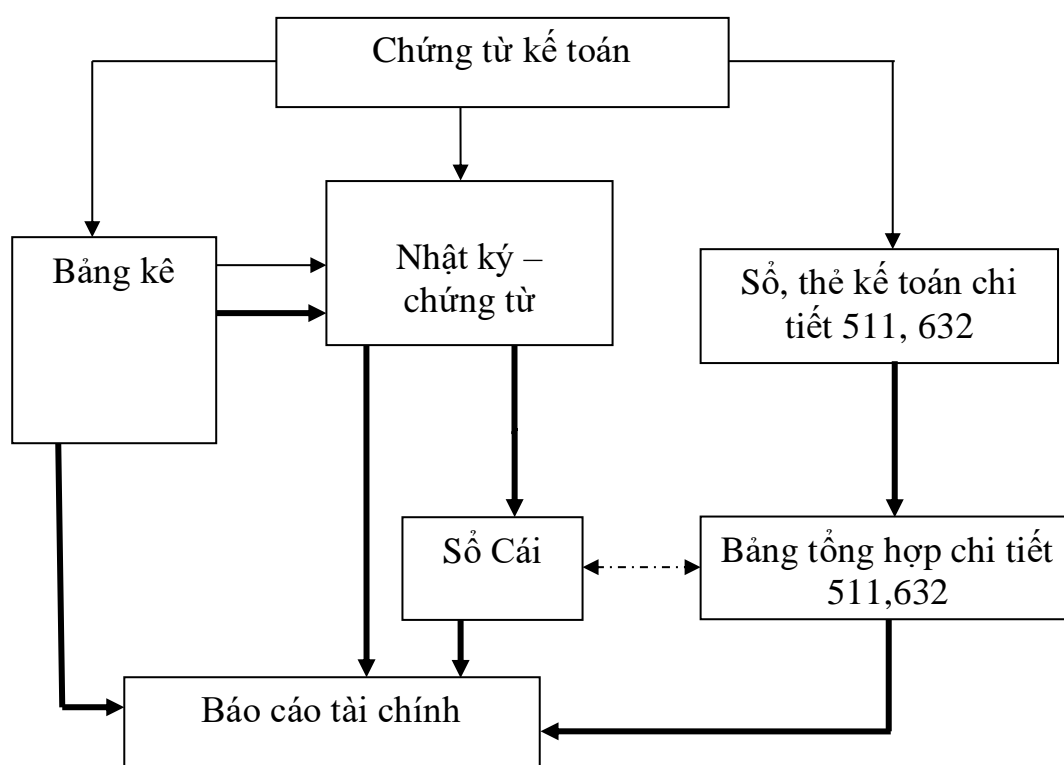
1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

a, Nguyên tắc đặc trưng cơ bản

Căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

b, Trình tự ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

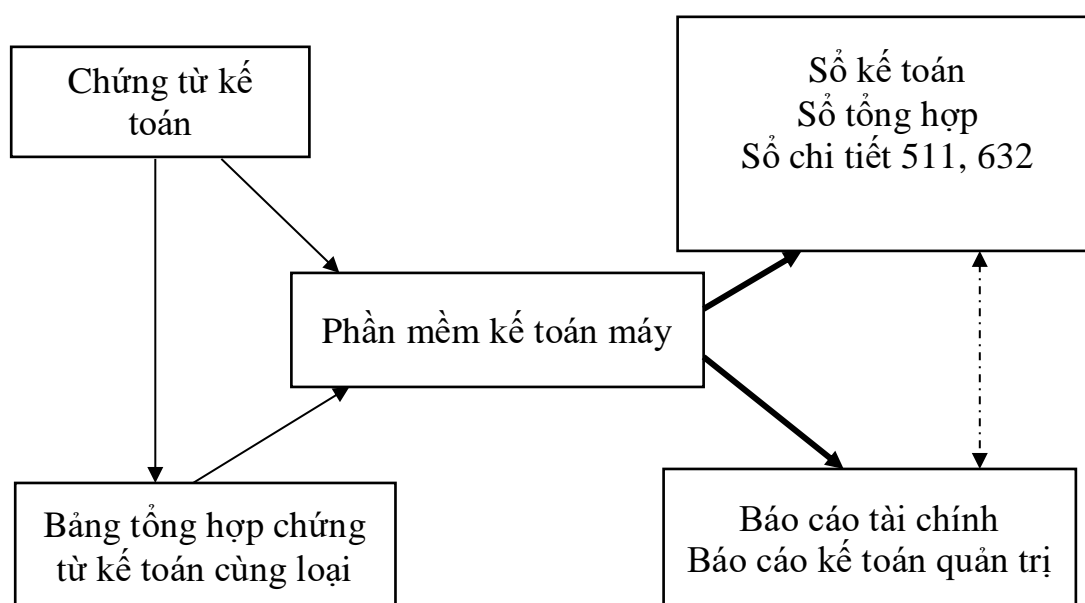
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

a) Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

b) Trình tự ghi sổ



Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-.-.-.->

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI QUANG DOANH

2.1. Tổng quan về Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

2.1.1. Giới thiệu về Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

Tên doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh - QUANG DOANH TRADING SERVICE AND TRANSPORT COMPANY LTD.

Trụ sở chính: Xóm 6 (nhà ông Đỗ Văn Phong), Xã Ngũ Lão, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Văn phòng giao dịch: Phòng 16 – Tầng 2 – Khu 2 tầng – Tòa nhà Thành Đạt - Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 02253.836 228

Fax: 02253.836 228

Mã số thuế: 0201378634

Email: quangdoanhtraserco@gmail.com

Đăng ký kinh doanh số: 0201378634 do Sở KH&ĐT Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 02 năm 2012

Tài khoản: 0141003668668 tại Ngân Hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – phòng giao dịch Ưông Bí, Quảng Ninh.

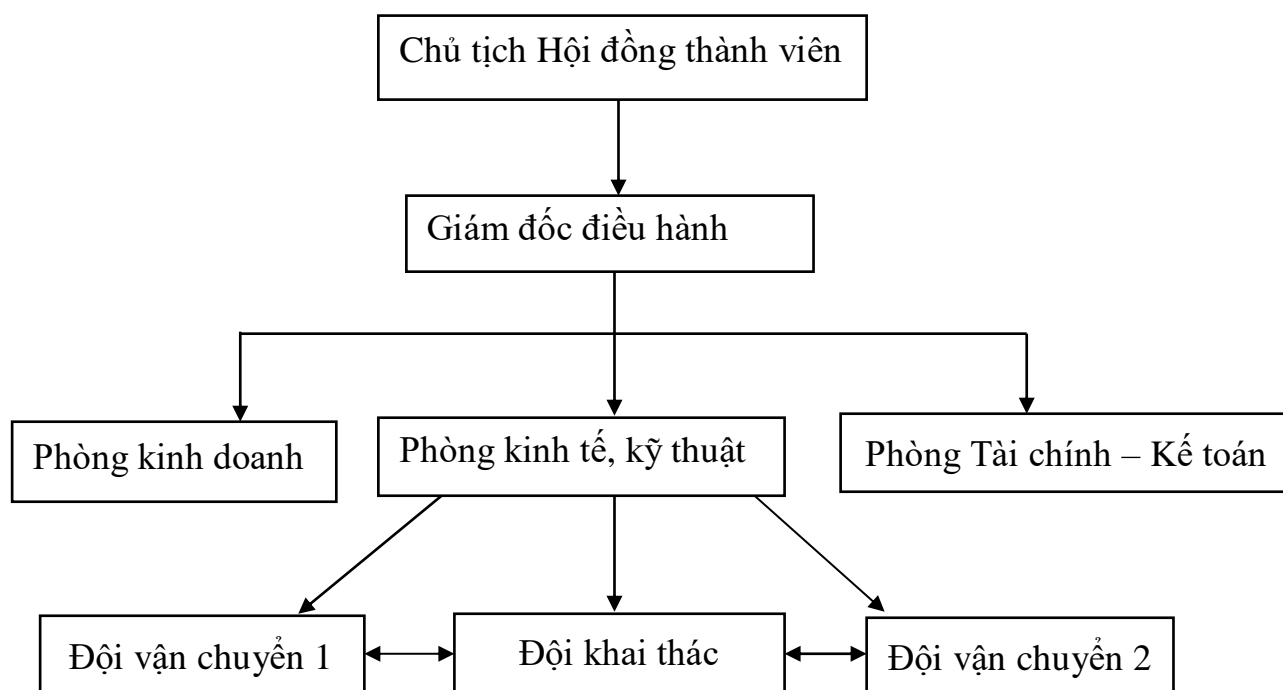
Ngành nghề kinh doanh chính:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Vận tải đường bộ.
- Khai thác, thu gom, chế biến than.
- Khai thác quặng sắt.
- Khai thác tài nguyên thiên nhiên cát, đá, sỏi

Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh hoạt động trong lĩnh vực vận tải thủy như: vận tải than các loại, vận tải đá vôi, clinker, thạch cao, xi măng, xỉ lò cao... cho các nhà máy xi măng và xuất khẩu.

Quy mô: Doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.1.2. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

Chức năng, nhiệm vụ:

- Chủ tịch hội đồng thành viên: Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty. Là người chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên; Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên; Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết của Hội đồng thành viên; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
- Giám đốc điều hành: là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động SXKD của toàn Công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Lập kế hoạch kinh doanh và marketing. Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và CNVC về quản lý toàn bộ tài sản, lao động vật tư tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn

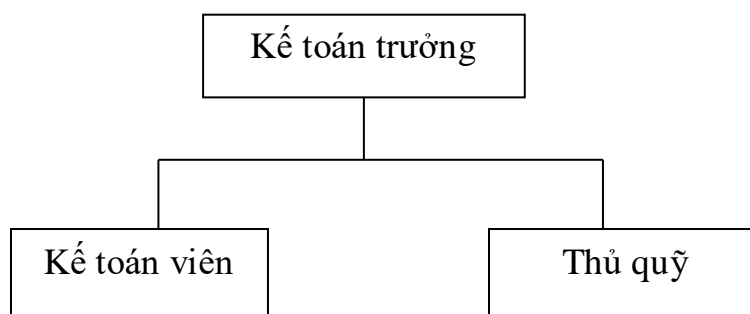
công ty, làm tốt công tác đối nội, đối ngoại, không ngừng chăm lo đến đời sống của người lao động.

- Phòng tài chính-kế toán: Quản lý công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán nhằm phục vụ và đánh giá đúng, trung thực nhất năng lực về tài chính của công ty, nhằm đánh giá, tham mưu trong vấn đề quản lý, kinh doanh cho Ban giám đốc. Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê; Quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty; Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch.
- Phòng kinh doanh: là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về công tác bán các sản phẩm và dịch vụ của Công ty; công tác nghiên cứu & phát triển sản phẩm, phát triển thị trường; công tác xây dựng và phát triển mối quan hệ khách hàng. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các hoạt động đó trong nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu...đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng.
- Phòng kinh tế, kỹ thuật: Có chức năng tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc về công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng sản phẩm. Thiết kế, triển khai giám sát về kỹ thuật các sản phẩm làm cơ sở để hạch toán, đấu thầu và ký kết các hợp đồng kinh tế. Kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa, vật tư khi mua vào hoặc xuất ra. Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm. Thiết kế, triển khai thi công sản phẩm ở các khâu sản xuất. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện các mặt hàng, sản phẩm theo đúng mẫu mã, quy trình kỹ thuật, nhiệm vụ thiết kế theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Là đơn vị chịu trách nhiệm chính về mặt kỹ thuật đối với các sản phẩm xuất xưởng.
- Đội vận chuyên 1, đội khai thác, đội vận chuyên 2: Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy trình về hệ thống đo lường chất lượng, thực hiện quy trình sản xuất chế tạo. Theo dõi tình hình sản xuất của Công ty bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đề ra. Tìm ra những nguyên nhân không đạt để đưa ra biện pháp khắc phục. Chịu trách nhiệm quản lý, vận chuyển sản phẩm cho khách hàng.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

2.1.3.1. Đặc điểm của bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

- Kế toán trưởng
 - Chức năng:
 - Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty.
 - Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.
 - Nhiệm vụ:
 - Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán:
 - Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty
 - Lập Báo cáo tài chính
- Kế toán viên:
 - Nhiệm vụ:
 - Thực hiện các bút toán đầu năm tài chính như: kết chuyển lãi lỗ năm tài chính cũ
 - Hạch toán chi phí thuế môn bài năm tài chính mới.
 - Tiến hành thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh công việc của kế toán tổng hợp

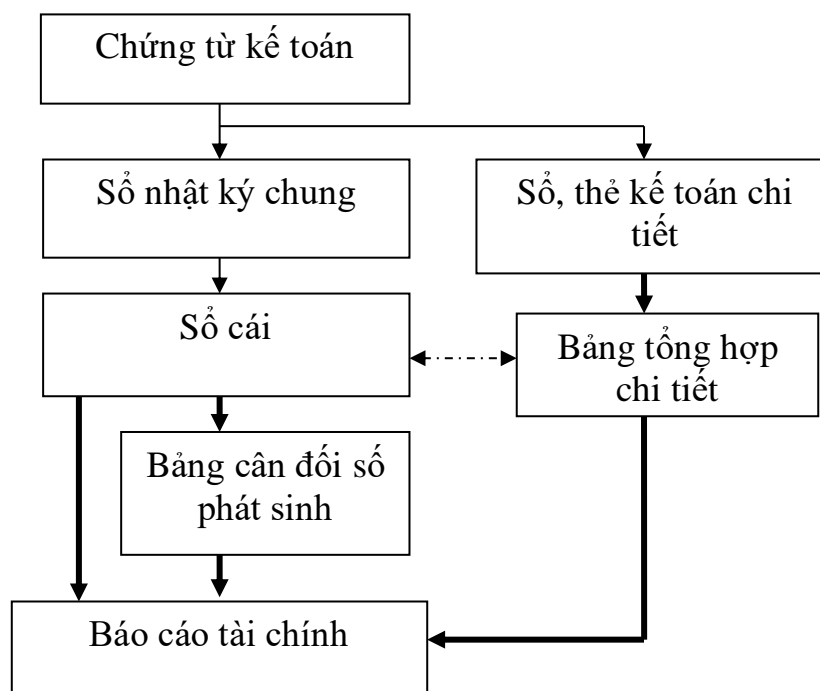
- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh là các hoạt động của Doanh nghiệp liên quan đến quá trình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp: Có thể là việc mua bán hàng hóa, CCDC, TSCĐ... thực hiện thu tiền/chi tiền...
- Thủ quỹ
 - Quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi do kế toán tiền mặt đưa sang để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phân thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi với kế toán tiền mặt.
 - Cuối tháng cùng với kế toán trưởng và giám đốc tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết.

2.1.3.2. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Theo thông tư 200/2014/TT - BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm Dương lịch.
- Đơn vị sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp trích khấu hao: phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định giá xuất kho: áp dụng phương pháp tính giá theo giá đích danh.

2.1.3.3. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, việc áp dụng hình thức này đã đáp ứng được yêu cầu dễ kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự kế toán tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, định kỳ →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm của doanh nghiệp chủ yếu là do bán các mặt hàng liên quan đến lĩnh vực vận tải như: vận tải đường thủy, tư vấn làm thủ tục, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm.

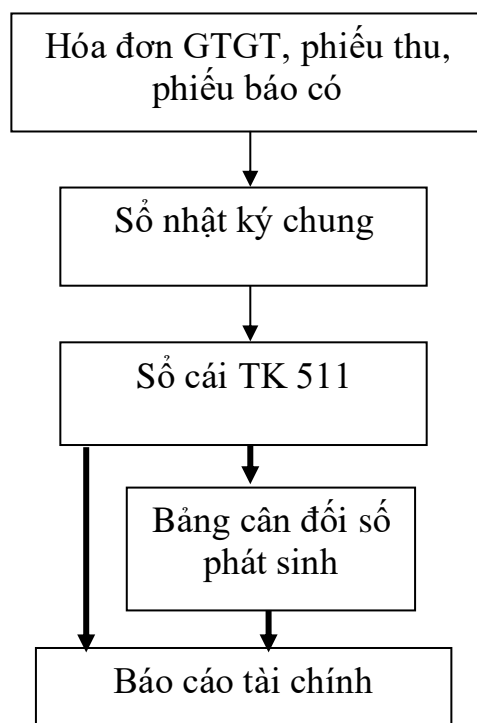
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng,...
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 3331



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ →

Đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

2.2.1.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 1: Ngày 10/12/2016, vận chuyển than bùn từ Mao Khê Quảng Ninh đến Gia Đức Hải Phòng cho công ty TNHH vận tải và thương mại Hùng Phong, số tiền 172.133.060, theo hóa đơn GTGT số 0011057 (VAT 10%), khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Kế toán ghi sổ:

Nợ TK 112: 55.000.000

Có TK 511: 50.000.000

Có TK 3331: 5.000.000

Nợ TK 154: 43.464.000

Có TK 632: 43.464.000

- ✓ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0011057 (Biểu số 2.1), Giấy báo có (Biểu số 2.2), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.4 - trang 41),
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.5 – trang 42).

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0011057

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: 08AA/15P			
Ngày 10 tháng 12 năm 2016		Số: 0011057			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh					
Mã số thuế: 0201378634					
Địa chỉ: Xóm 6, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.					
Điện thoại: 0225.3836.228					
Số tài khoản: 102010000995988					
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công Ty TNHH vận tải và thương mại Hùng Phong					
Mã số: 0800828970					
Địa chỉ: Khu II Tử Lạc, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, TP. Hải Dương					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cước vận chuyển than bùn từ cảng Mao Khê Quảng Ninh đến Gia Đức Hải Phòng	Tấn	2173.92	23.000	50.000.000
Cộng tiền hàng					50.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		5.000.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					55.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi năm triệu đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.2: Giấy báo Có số 10555

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh : VIETINBANK – Hải Phòng

Mã GDV:
Mã KH: 1127

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 10/12/2016

Số GD: 10555

Khính gửi: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
QUANG DOANH

Mã số thuế: 0202378634

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0141003668668

Số tiền bằng số: 55.000.000đ

Số tiền bằng chữ: Năm mươi năm triệu đồng chẵn /.

Nội dung:##Công ty Hùng Phong thanh toán cước vận chuyển HĐ 11057##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

(Nguồn: Sổ liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Ví dụ 2: Ngày 17/12/2016, vận chuyển ngô hạt từ Thượng Vũ Kim Thành đến Kinh Môn Hải Dương cho công ty TNHH vận tải và thương mại Tân Hoàng Hà, số tiền 27.522.960, theo hóa đơn GTGT số 0011059 (VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán ghi sổ:

Nợ TK 131: 28.075.186

 Có TK 511: 25.522.896

 Có TK 3331: 2.552.290

Nợ TK 154: 20.205.550

 Có TK 632: 20.205.550

- ✓ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0011059 (Biểu số 2.3), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.4 – trang 41),
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.5 – trang 42).

Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0011059

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: 08AA/15P		
Ngày 17 tháng 12 năm 2016			Số: 0011059		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh					
Mã số thuế: 0201378634					
Địa chỉ: Xóm 6, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.					
Điện thoại: 0225.3836.228					
Số tài khoản: 102010000995988					
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công Ty TNHH vận tải và thương mại Tân Hoàng Hà					
Mã số: 0800576530					
Địa chỉ: Thôn 3b – xã Hà An – huyện Hưng Yên – tỉnh Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cước vận chuyển ngô hạt từ Thượng Vũ Kim Thành đến Kinh Môn Hải Dương	Tấn	1063.45	24.000	25.522.896
Cộng tiền hàng					25.522.896
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.552.290
Tổng cộng tiền thanh toán					28.075.186
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi năm nghìn một trăm tám mươi sáu đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.4: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương
mại Quang Doanh

Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2016

ĐVT:đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
07/10/2016	BN70	07/10	Trả tiền cước vận chuyển cho cty vận tải biển đông	331	69.012.000	
				112		69.012.000
...
20/10/2016	PT55	20/10	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111	104.000.000	
				112		104.000.000
10/12/2016	BC10 555	10/12	Cước vận chuyển than bùn từ cảng Mao Khê Quảng Ninh đến Gia Đức Hải Phòng	112	55.000.000	
				511		50.000.000
				3331		5.000.000
...
17/12/2016	HĐ1 1059	17/12	Vận chuyển ngô cho công ty TNHH vận tải và thương mại Tân Hoàng Hà	131	28.075.186	
				511		25.522.896
				3331		2.552.290
...
...
			Cộng		105.875.960.211	105.875.960.211

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.5: Sổ cái tài khoản 511

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy
Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ Ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...
HĐ1105 7	10/12	Vận chuyển than xuất khẩu cho cty Hùng Phong	112		50.000.000
...
HĐ1105 9	17/12	Vận chuyển ngô cho công ty Tân Hoàng Hà	131		25.522.896
...
PKT 305	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	41.034.086.134	
		Cộng số phát sinh		41.034.086.134	41.034.086.134
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

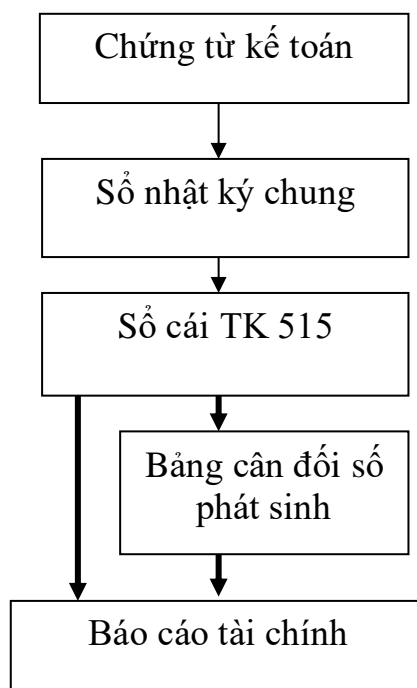
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Giấy báo Có của ngân hàng

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Và các tài khoản khác có liên quan



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Quang Doanh

2.2.3.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 3: Ngày 17/06/2016 công ty nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng Viettinbank về lãi tiền gửi ngân hàng là 130.740đ

ĐK: Nợ TK 112: 130.740
 Có TK 515: 130.740

Ngày 31/12/2016 kết chuyển các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính

ĐK: Nợ TK 515: 1.569.000
 Có TK 911: 1.569.000

- ✓ Căn cứ vào Giấy báo có số 10130 (Biểu số 2.7), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.8),
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.9).

Biểu số 2.7: Giấy báo Có số 10630

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh : VIETINBANK – Hải Phòng

Mã GDV:
Mã KH: 1127

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 17/06/2016

Số GD: 10130

Khính gửi: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
QUANG DOANH

Mã số thuế: 0201378634

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0141003668668

Số tiền bằng số: 130.740đ

Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi nghìn bảy trăm bốn mươi đồng/.

Nội dung:##Lãi tiền gửi dài hạn##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.8: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
....
17/6	GBC1 0630	17/6	Lãi tiền gửi dài hạn	1121	130.740	
				515		130.740
....
31/12	PKT 306	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	1.569.000	
				911		1.569.000
			Cộng phát sinh		105.875.960.211	105.875.960.211

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.9: Sổ cái tài khoản 515

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ Ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...
GBC10630	17/6	Lãi tiền gửi dài hạn	1121		130.740
...
PKT 306	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.569.000	
		Cộng số phát sinh		1.569.000	1.569.000
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

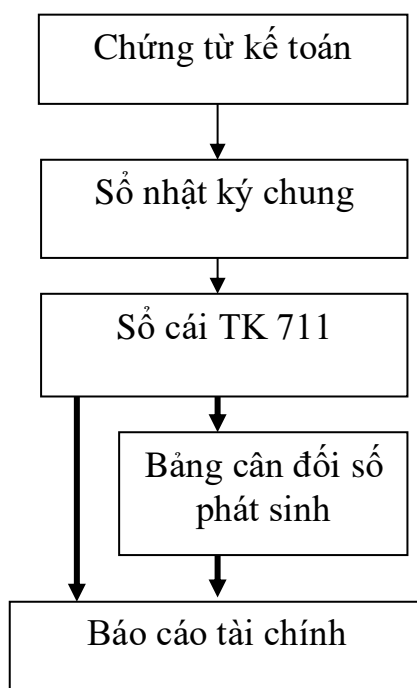
2.2.4. Kế toán các khoản thu nhập khác tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng:

- Bảng kê
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Tài khoản 711 – Thu nhập khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán thu nhập khác tại công ty TNHH Quang Doanh

2.2.4.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến các khoản thu nhập khác.

2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

Giá vốn hàng bán của công ty là trị giá vốn của số thành phẩm xuất bán trong kỳ.

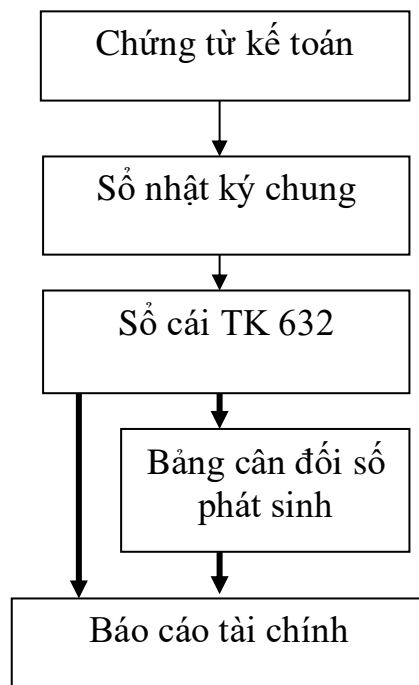
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng:

- Bảng kê

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Lệnh chi

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán và các tài khoản có liên quan khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán doanh giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

2.2.5.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 1: Ngày 13/12/2016 công ty thuê bên Công ty TNHH vận tải sông biển Trường Sơn vận chuyển than bùn từ Mao Khê Quảng Ninh đến Gia Đức Hải Phòng. Quang Doanh đã thanh toán bằng chuyển khoản cho Trường Sơn tiền cước vận chuyển.

- ✓ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000278 (Biểu số 2.10), Lệnh chi số 111 (Biểu số 2.11), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12 - trang 52),
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.13 – trang 53).

Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT số 0000278

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: QT/15P		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0000278		
Ngày 13 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI SÔNG BIỂN TRƯỜNG SƠN.					
Mã số thuế: 0207640987					
Địa chỉ: Lô LK 20 Khu đô thị xanh Quang Minh, X.Thủy Sơn, H.Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng					
Số tài khoản: 35680345673					
Điện thoại: 093 266 09 99					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh					
Mã số thuế: 0201378634					
Địa chỉ: xóm 6 xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK			Số tài khoản: 0141003668668		
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cước vận chuyển than bùn từ Mao Khê (Quảng Ninh) đi cảng Gia Đức (Hải Phòng)	Tấn	2173.92	20.000	43.464.000
Cộng tiền hàng					43.464.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			4.346.400
Tổng cộng tiền thanh toán					47.810.400
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu tám trăm mười nghìn bốn trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.10: Lệnh chi số 111
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam



Lệnh chi
Payment Order

Số (No): 111

Ngày (Date): 15/12/2016

Liên 2 Giao khách hàng

**Tên đơn vị trả tiền Payer CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
THƯƠNG MẠI QUANG DOANH**

Tài khoản nợ Debit A/C 0141003668668

Tại ngân hàng *With Bank* Viettinbank Hải Phòng

Số tiền bằng chữ *Amount in word* Bốn mươi bảy triệu tám
trăm mười nghìn bốn trăm đồng.

Số tiền bằng số Amount in figures 47.810.400 VNĐ

**Tên đơn vị nhận tiền Payee CÔNG TY TNHH VẬN TẢI SÔNG BIỂN
TRƯỜNG SƠN.**

Tài khoản có Credit A/C 35680345673

Tại ngân hàng *With Bank* Agribank Hải Phòng

Nội dung *Remarks* Thanh toán tiền hàng

Đơn vị trả tiền Payer

Ngày hạch toán Accounting date

Kế toán

Chủ tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Accountant

A/C holder

Teller

Supervisor

Ví dụ 2: Ngày 19/12/2016 công ty thuê bên Công ty TNHH MTV Kinh Đông vận chuyển ngô hạt từ Thượng Vũ Kim Thành đến Kinh Môn Hải Dương. Quang Doanh chưa thanh toán cho công ty MTV Kinh Đông.

- ✓ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001127 (Biểu số 2.11), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12 – trang 52),
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.13 – trang 53).

Biểu số 2.11: Hóa đơn 0001127

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: QT/15P		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0001127		
Ngày 19 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MTV KINH ĐÔNG.					
Mã số thuế: 657937822					
Địa chỉ: Số 4, Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số tài khoản: 875341995467					
Điện thoại: 091 133 06 99					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh					
Mã số thuế: 0201378634					
Địa chỉ: xóm 6 xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK			Số tài khoản: 0141003668668		
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cước vận chuyển ngô hạt từ cảng Thượng Vũ Kim Thành đến Kinh Môn Hải Dương	Tấn	1063.45	19.000	20.205.550
Cộng tiền hàng					20.205.550
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			2.020.555
Tổng cộng tiền thanh toán					22.226.105
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn một trăm lẻ năm đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
13/12	HĐ278 LC111	13/12	Thuê công ty song biển Trường Sơn vận chuyển than bùn	632	43.464.000	
				154		43.464.000
...
19/12	HĐ1127	19/12	Thuê công ty Kinh Đông vận chuyển ngô hạt	632	20.205.550	
				154		20.205.550
...
			Cộng phát sinh		105.875.960.211	105.875.960.211

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.13: Sổ cái tài khoản 632

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy
Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...
HĐ278	13/12	Thuê công ty song biển Trường Sơn vận chuyển than bùn	154	43.464.000	
...
HĐ1127	19/12	Thuê công ty kinh đông vận chuyển Ngô hạt	154	20.205.550	
...
PKT 307	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		39.217.367.564
		Cộng số phát sinh		39.217.367.564	39.217.367.564
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

2.2.6. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

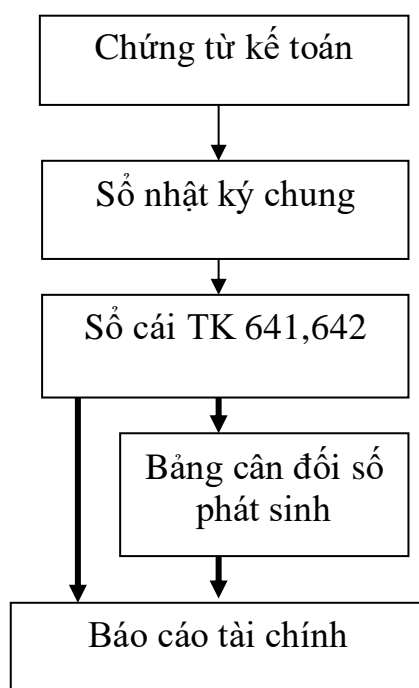
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Sử dụng: Tài khoản 641: Chi phí bán hàng

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH Quang Doanh

2.2.6.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 29/04/2016 công ty Quang Doanh thanh toán tiền văn phòng phẩm quý I cho công ty TNHH một thành viên văn phòng phẩm Gia Nguyên số tiền cả thuế là 1.158.068 đ

ĐK: Nợ TK642: 1.044.200
Nợ TK 1331: 104.420
Có TK 111: 1.148.620

- ✓ Căn cứ vào Hóa đơn 6632 (Biểu số 2.14), Phiếu chi 150 (Biểu số 2.15), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18 – trang 60),
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.20 – trang 63).

Ngày 11/05/2016, Nguyễn Hoài Trang trưởng phòng kinh doanh thanh toán chi phí tiếp đối tác là 2.750.000 đồng.

ĐK: Nợ TK641: 2.500.000
Nợ TK 1331: 250.000
Có TK 111: 2.750.000

- ✓ Căn cứ vào Hóa đơn 4943 (Biểu số 2.16), Phiếu chi 156 (Biểu số 2.17), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18 – trang 60),
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 641 (Biểu số 2.19 – trang 62).

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT số 006632

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 29 tháng 04 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/16P
Số:006632

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VĂN PHÒNG
PHẨM GIA NGUYỄN

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 0225.584.810

0	3
---	---

1	0	7	1	7	6	2
---	---	---	---	---	---	---

2	
---	--

MS:

Họ tên người mua hàng: Đào Thị Nhung

Tên đơn vị: Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

Địa chỉ: Phòng 16 – Tầng 2 – Khu 2 tầng – Tòa nhà Thành Đạt - Số 3 Lê Thánh
Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Bút bi Thiên Long M452S	Hộp	10	12.500	125.000
2	Giấy in A4 DDL70/90	thùng	12	69.000	828.000
3	Kẹp Clip 25mm	Hộp	12	7.600	91.200
Cộng tiền hàng:					1.044.200
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		104.420
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.148.620
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi đồng/.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)	

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.15: Phiếu chi số 150

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận
Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 04 năm 2016

Số: 110

Nợ TK642: 1.044.200

Nợ TK 1331: 104.420

Có TK 111: 1.148.620

Họ và tên người nhận tiền: Đào Thị Nhường

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: chi tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.148.620đ

Viết bằng chữ: Một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi đồng/.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 29 tháng 04 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ
tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm nghìn tám trăm mười đồng/.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT số 004943

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 11 tháng 05 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/16P
Số:004943

Đơn vị bán hàng: Nhà hàng lẩu dê Phượng Chi

Địa chỉ: số 18 Lê Hồng Phong – Đông Khê – Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 02253723345 MS:

0	2
---	---

9	7	7	1	5	7	2
---	---	---	---	---	---	---

1		
---	--	--

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hoài Trang

Tên đơn vị: Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

Địa chỉ: Phòng 16 – Tầng 2 – Khu 2 tầng – Tòa nhà Thành Đạt - Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Rượu volka	chai	3	200.000	600.000
2	Bê bê hấp	cân	1	300.000	300.000
3	Lẩu dê	Nồi	1	1.600.000	1.600.000
Cộng tiền hàng:					2.500.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		250.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.750.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn /.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)	

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.17: Phiếu chi số 156

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận
Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 11 tháng 05 năm 2016

Số: 158

Nợ TK 641: 2.500.000

Nợ TK 1331: 250.000

Có TK 1111: 2.750.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hoài Trang

Địa chỉ: Trưởng phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền chi phí tiếp đối tác

Số tiền: 2.750.000đ

Viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn /.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 11 tháng 05 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn/.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy
Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố
Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
29/04	HĐ 6632	29/04	Mua văn phòng phẩm	642	1.044.200	
				1331	104.420	
				1111		1.148.620
...	
11/05	HĐ 4943	11/05	Thanh toán tiền chi phí tiếp đối tác	641	2.500.000	
				1331	250.000	
				1111		2.750.000
...	
			Cộng phát sinh		105.875.960.211	105.875.960.211

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.19: Sổ cái tài khoản 641

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy
Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 641
Tên tài khoản: Chi phí bán hàng
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHT KD Ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...
HĐ 1569	21/3	Thanh toán chi phí tiếp đối tác	1111	1.522.125	
...
HĐ 4943	11/5	Thanh toán tiền chi phí tiếp đối tác	1111	2.500.000	
...
PKT 309	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		626.821.577
		Cộng số phát sinh		626.821.577	626.821.577
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.20: Sổ cái tài khoản 642

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy
Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ Ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...
HĐ 6632	29/4	Mua văn phòng phẩm	1111	1.044.200	
...
HĐ 4770	11/5	Thanh toán tiền nước uống	1111	950.000	
...
PKT 310	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		659.688.685
		Cộng số phát sinh		659.688.685	659.688.685
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

2.2.7. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh

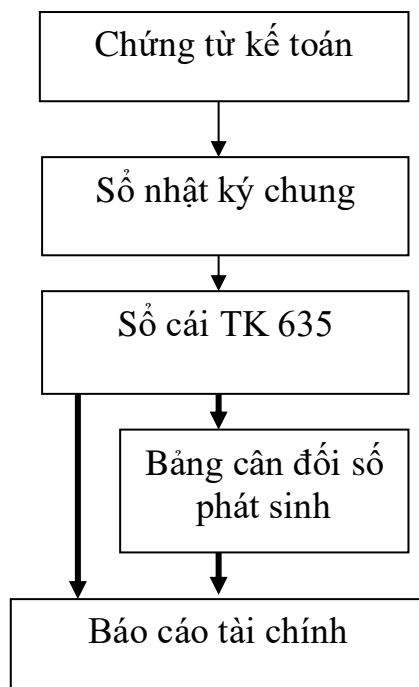
2.2.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Giấy báo Nợ của ngân hàng

2.2.7.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Và các tài khoản có liên quan khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Quang Doanh

2.2.7.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 25/09/2016 công ty trả tiền lãi vay cho ngân hàng là 29.844.942đ, đã nhận được Giấy báo Nợ.

ĐK: Nợ TK 635: 1.844.942

Có TK 1121: 1.844.942

Ngày 31/12/2016 kết chuyển các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính

ĐK: Nợ TK 911: 22.139.304

Có TK 635: 22.139.304

- ✓ Căn cứ Giấy báo nợ 9522 (Biểu số 2.21), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.22),
- ✓ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.23).

Biểu số 2.21: Giấy báo Nợ số 9522

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh : VIETINBANK – Hải Phòng

Mã GDV:
Mã KH: 1127

GIẤY BÁO NỢ
Ngày 25/09/2016

Số GD: 9522

Kính gửi: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
QUANG DOANH

Mã số thuế: 0201378634

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 102010000995988

Số tiền bằng số: 1.844.942đ

Số tiền bằng chữ: Một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng/.

Nội dung:## Trả tiền lãi vay ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.22: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy
Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố
Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
25/09	GBN 9522	25/09	Trả tiền lãi vay	635	1.844.942	
				1121		1.844.942
...
31/12	PKT 308	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	22.139.304	
				635		22.139.304
...
			Cộng phát sinh		105.875.960.211	105.875.960.211

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

Biểu số 2.23: Sổ cái tài khoản 635

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy
Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635
Tên tài khoản: Chi phí tài chính
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ Ư	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...
GBN 9522	25/09	Trả tiền lãi vay	1121	1.844.942	
...
PKT 308	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		22.139.304
		Cộng số phát sinh		22.139.304	22.139.304
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty TNHH Quang Doanh năm 2016)

2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

2.2.8.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

2.2.8.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng: các phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng:
 - TK911 – Xác định kết quả kinh doanh
 - TK821 – Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 - TK4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay
 - Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK911, TK821, TK421, ...

2.2.8.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2016:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 41.034.086.134
- Doanh thu tài chính: 1.569.005
- Giá vốn hàng bán: 39.217.367.564
- Chi phí tài chính: 22.139.304
- Chi phí bán hàng: 626.821.577
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 659.688.685
- Kết quả kinh doanh = (41.034.086.134+ 1.569.005) – (39.217.367.564

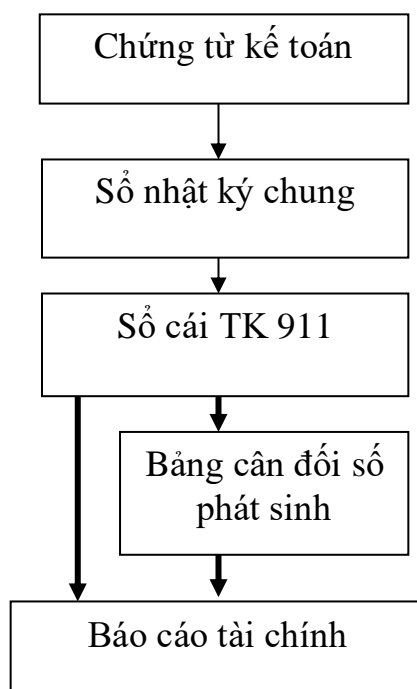
$$+ 22.139.304 - 626.821.577 - 659.688.685) = 509.638.009đ$$

⇒ Trong năm 2016 doanh nghiệp đạt lợi nhuận trước thuế là: 509.638.009đ

⇒ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp = 509.638.009 x 20% = 101.927.602đ

⇒ Lợi nhuận sau thuế = 509.638.009 - 101.927.602 = 407.710.407đ

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.10: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Quang Doanh

Biểu số 2.24: Phiếu kê toán số 305

Công ty TNHH Quang Doanh				
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng				
Mã số thuế: 0201378634				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 305				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	41.034.086.134
Cộng				41.034.086.134

Người lập biểu (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Biểu số 2.25: Phiếu kê toán số 306

Công ty TNHH Quang Doanh				
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Hải Phòng				
Mã số thuế: 0201378634				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 306				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.569.005
Cộng				1.569.005

Người lập biểu (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 307

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng
Mã số thuế: 0201378634

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 307
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	39.217.367.564
	Cộng			39.217.367.564

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 308

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng
Mã số thuế: 0201378634

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 308
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	22.139.304
	Cộng			22.139.304

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 309

Công ty TNHH Quang Doanh
 Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201378634

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số 309
 Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	626.821.577
	Cộng			626.821.577

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu (Ký, họ tên) **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 310

Công ty TNHH Quang Doanh
 Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201378634

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số 310
 Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	659.688.685
	Cộng			659.688.685

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu (Ký, họ tên) **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 311

Công ty TNHH Quang Doanh
 Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201378634

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số 311
 Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	101.927.602
	Cộng			101.927.602

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 312

Công ty TNHH Quang Doanh
 Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng
 Mã số thuế: 0201378634

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số 312
 Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	101.927.602
	Cộng			101.927.602

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.32: Phiếu kế toán số 313

Công ty TNHH Quang Doanh				
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng				
Mã số thuế: 0201378634				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 313				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	407.710.407
	Cộng			407.710.407
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Người lập biểu			Kế toán trưởng	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	

Biểu số 2.33: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Quang Doanh

Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT 305	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	41.034.086.134	
				911		41.034.086.134
31/12	PKT 306	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	1.569.005	
				911		1.569.005
31/12	PKT 307	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	39.217.367.564	
				632		39.217.367.564
31/12	PKT 308	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	22.139.304	
				635		22.139.304
31/12	PKT 309	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	626.821.577	
				641		626.821.577
31/12	PKT 310	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	659.688.685	
				642		659.688.685
31/12	PKT 311	31/12	Xác định thuế TNDN	821	101.927.602	
				3334		101.927.602
31/12	PKT 312	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	101.927.602	
				821		101.927.602
31/12	PKT 313	31/13	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	407.710.407	
				421		407.710.407
			Cộng phát sinh		105.875.960.211	105.875.960.211

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.34: Sổ cái tài khoản 911

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
PKT 305	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		41.034.086.134
PKT 306	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.569.005
PKT 307	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	39.217.367.564	
PKT 308	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	22.139.304	
PKT 309	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	626.821.577	
PKT 306	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	659.688.685	
PKT 308	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	101.927.602	
PKT 309	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	407.710.407	
		Cộng số phát sinh		41.035.655.139	41.035.655.139
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.35: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu số B-02/DNN
(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2016 của Bộ trưởng BTC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Người nộp thuế: Công ty TNHH Quang Doanh

Mã số thuế:

0	2	0	1	3	7	8	6	3	4				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Địa chỉ trụ sở: Số 3 Lê Thánh Tông - Máy Tơ - Ngô Quyền – Hải Phòng.

Điện thoại: 02253.836 228

Fax: 02253.836 228

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.08	41.034.086.134	42.147.644.151
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		41.034.086.134	42.147.644.151
4. Giá vốn hàng bán	11		39.217.367.564	41.351.240.662
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.816.718.570	796.403.489
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.569.005	2.965.405
7. Chi phí tài chính	22		22.139.304	
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		22.139.304	
8. Chi phí bán hàng			626.821.577	322.612.511
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		659.688.685	291.026.289
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh[30 = 20 + 21 - 22 - 24]	30		506.499.999	185.730.294
11. Thu nhập khác	31			5.976.816
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			5.976.816
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	506.499.999	191.707.110
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		101.927.602	38.341.422
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		407.710.407	153.365.688

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Số chứng chỉ hành nghề;
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI QUANG DOANH

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

3.1.1. Ưu điểm của công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh, em đã có cơ hội học tập cũng như hiểu biết thêm về công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp, so sánh và đối chiếu giữa những kiến thức đã học được tại trường với thực tế trong doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của doanh nghiệp có những ưu điểm sau:

- Về bộ máy quản lý:
 - + Tổ chức bộ máy quản lý của công ty là tương đối phù hợp, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ. Mỗi bộ phận có một chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng liên hệ mật thiết với nhau, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác và nhanh chóng cung cấp kịp thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Ban lãnh đạo công ty.
- Về tổ chức bộ máy kế toán:
 - + Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh, kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách và nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang lại ý nghĩa rất lớn.
- Các chứng từ sử dụng:

+ Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kế toán và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển một cách hợp lý.

➤ Về hệ thống chứng từ, sổ sách:

+ Hệ thống sổ sách kế toán của công ty tương đối phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Hình thức Nhật ký chung được sử dụng rất phù hợp với trình độ của các nhân viên kế toán của công ty. Các chứng từ sử dụng trong công ty đều theo quy định, hướng dẫn của Bộ Tài Chính, được tuân thủ về cả nội dung, thực hiện khá rõ ràng, chi tiết, trung thực và đầy đủ. Sự luân chuyển chứng từ được sắp xếp hợp lý trong nội bộ, tạo ra sự hoạt động nhịp nhàng góp phần đạt hiệu quả về chất lượng công việc.

➤ Về việc kế toán các khoản doanh thu, chi phí tại công ty đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời, cuối kỳ tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

Ngoài những ưu điểm kể trên vẫn còn một số những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

➤ Về hệ thống sổ sách kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán: kế toán chỉ sử dụng sổ cái TK 511 và sổ cái TK 632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho việc theo dõi các khoản doanh thu, chi phí. Điều này làm cho chủ doanh nghiệp không nắm bắt được tình hình tiêu thụ các loại mặt hàng một cách cụ thể, chi tiết.

➤ Về việc ứng dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán: công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán hàng ngày mà chỉ sử dụng công cụ tính toán trên bảng tính Excel. Việc tính toán như vậy đã lỗi thời, dẫn đến việc đối chiếu giữa các số liệu trở nên rườm rà và phức tạp, hiệu suất làm việc trở nên chậm chạp.

➤ Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập phiếu xuất kho ở

công ty chưa kịp thời nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định. Việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên gây ra tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng tài chính kế toán để xử lý làm cho chứng từ bị ứ đọng, kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải khi chứng từ khi về cùng một lúc.

➤ Việc áp dụng chính sách thu hồi nợ

➤ Công ty chưa chú trọng đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu của công ty tương đối lớn so với tổng tài sản của công ty do đó gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng qua vốn không được hiệu quả, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

➤ Hiện nay công ty cũng không có chính sách chiết khấu thanh toán. Cho khách hàng hưởng các chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Đối với việc không áp dụng chiết khấu thanh toán sẽ gây ra khó khăn trong việc thu hồi nợ của công ty.

➤ Trích lập nợ phải thu khó đòi: có nhiều khách hàng đã đến hạn thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán mà doanh nghiệp vẫn chưa thu hồi được nợ nhưng doanh nghiệp lại chưa trích lập dự phòng. Điều này dẫn đến việc công ty không có khoản dự phòng để bù đắp những rủi ro xảy ra, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.

3.2.1. Giải pháp 1: Mở sổ chi tiết theo doanh thu, giá vốn cho từng loại hình kinh doanh vận tải

Hiện nay công ty đang kinh doanh trên cả hai hình thức cho thuê vận tải đường thủy và thuê bên thứ ba vận tải cho mình để ăn phần chênh lệch. Do vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết doanh thu và giá vốn cho từng loại hình kinh doanh vận tải để giúp công ty có thể theo dõi cụ thể và rõ ràng hơn.

Dưới đây là các mẫu số chi tiết theo doanh thu và giá vốn và bảng tổng hợp doanh thu, bảng tổng hợp giá vốn cho từng hình thức kinh doanh vận tải và thuê vận tải.

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết doanh thu thuê vận tải

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S17 – DNN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU
Loại doanh thu: Thuê vận tải
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
	...					
10/12	HĐ11057	10/12	Cước vận chuyển Hùng Phong	112		50.000.000

17/12	HĐ11059	17/12	Cước vận chuyển Tân Hoàng hà	131		25.522.896

31/12	PKT305	31/12	Kết chuyển doanh thu trong kì	911	20.155.973.987	
			Σ doanh thu PSTK		20.155.973.987	20.155.973.987

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết doanh thu vận tải

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S17 – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU
Loại doanh thu: Vận tải

DVT: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
	...					
21/12	HĐ 004231	21/12	Vận chuyển thép cho công ty vận tải thủy Hoàng Tiến bằng tàu sông HP-3816	112		135.876.900
			
31/12	PKT305	31/12	Kết chuyển doanh thu trong kì	911	20.878.112.147	
			Σ doanh thu PSTK		20.878.112.147	20.878.112.147

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.3: Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S17 – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU
Năm 2016

STT	Loại doanh thu	Số tiền	
		Nợ	Có
1	Vận tải	20.878.112.147	20.878.112.147
2	Thuê vận tải	20.155.973.987	20.155.973.987
	Σ	41.034.086.134	41.034.086.134

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.4: Sổ chi tiết giá vốn thuê vận tải

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S17 – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN
Mặt hàng: Thuê Vận Tải
Năm 2016

Đơn vị tính:

VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
13/12	HĐ278	13/12	Thuê cty song biển Trường Sơn vận chuyển than bùn	154	47.810.400	
...				
19/12	HĐ1127	19/12	Thuê cty Kinh Đông vận chuyển ngô hạt	154	20.205.550	
31/12	PKT307	31/12	Kết chuyển giá vốn vận tải			29.005.167.677
			∑ Giá vốn phát sinh trong kì		29.005.167.677	29.005.167.677

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.5: Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S17 – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	Loại doanh thu	Số tiền	
		Nợ	Có
1	Vận tải	20.212.199.887	20.212.199.887
2	Thuê vận tải	19.005.167.677	19.005.167.677
	Σ	39.217.367.564	39.217.367.564

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2. Giải pháp 2: Mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh cho từng hoạt động và thực hiện công tác phân tích chi phí nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh.

Hiện nay công ty đã mở sổ cái TK 641, 642 để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh trong đó chưa theo dõi được các yếu tố chi phí. Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 641, 642 để theo dõi chi tiết và cụ thể hơn các khoản mục và yếu tố chi phí.

Công ty nên sử dụng mẫu sổ sản xuất kinh doanh theo Ban hành theo TT 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của bộ trưởng Bộ tài chính (Biểu số 3.6, biểu số 3.7). Sổ chi tiết TK641, 642 giúp ta tách biệt được rõ các khoản chi phí đó là chi phí gì, đồng thời cũng giúp doanh nghiệp nắm rõ tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại chi phí đó như thế nào, hợp lý không, từ đó giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp để quản lý những chi phí này một cách chính xác, có hiệu quả hơn.

Trên thực tế, doanh nghiệp muốn tăng cường công tác quản lý chi phí thì phải căn cứ vào biến động của các khoản mục cấu thành nên chi phí. Do đó, công ty nên phân tích chi phí kinh doanh theo các khoản mục cấu thành nên nó để giúp nhà quản trị có thể thấy được khoản nào phát sinh nhiều, đột biến, vượt quá so với mức quy định hoặc vượt quá so với kỳ trước để xác định hiệu quả kinh tế do các khoản chi phí này mang lại. Từ đó, giúp các nhà quản lý đưa ra các giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí cho công ty.

Công ty có thể tiến hành phân tích chi phí theo các khoản mục cấu thành như bảng (biểu 3.8).

Biểu số 3.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Quang Doanh

Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền
– Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S18 – DNN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

TK 641 – Chi phí bán hàng

Năm 2016

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 6421						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
						Lương	Vật liệu	CCDC	Khấu hao	...	Dịch vụ mua ngoài
			Số dư đầu kỳ								
11/5	HĐ4 943	11/05	Thanh toán tiền chi phí tiếp đối tác	1111	2.500.000						2.500.000
...
10/6	PKT 64	10/6	Tiền lương bộ phận lái xe tháng T5	334	35.751.114	35.751.114					
10/6	PKT 65	10/6	Các khoản trích theo lương T5	338	11.679.134	11.679.134					
			Cộng số phát sinh		651.732.031	501.288.412	66.152.190	13.117.194	10.112.322	...	61.061.913
			Số dư cuối kỳ		651.732.031						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán Trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 3.7: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Quang Doanh

Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền
– Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số S18 – DNN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2016

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 6422						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
						Lương	Vật liệu	CCDC	Khấu hao	...	Dịch vụ mua ngoài
			Số dư đầu kỳ								
29/4	HĐ 6632	29/4	Mua văn phòng phẩm	1111	1.044.200						1.044.200
...
10/6	PKT 64	10/6	Tiền lương bộ phận quản lý T4	334	45.221.554	45.221.554					
10/6	PKT 65	10/6	Các khoản trích theo lương T4	338	15.601.436	15.601.436					
			Cộng số phát sinh		634.778.321	452.772.411	72.112.010	15.513.221	17.148.904	...	77.231.775
			Số dư cuối kỳ		634.778.321						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán Trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu 3.8: Bảng phân tích các khoản mục cấu thành chi phí sản xuất kinh doanh

BẢNG PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN MỤC CẤU THÀNH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 2 năm 2016

Chỉ tiêu	Tháng 04		Tháng 05		Tháng 06	
	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	95.223.677	100	99.661.002	100	101.522.345	100
Chi phí nhân viên quản lý	60.822.990	63,87	60.822.990	61,06	60.822.990	59,91
Chi phí đồ dùng văn phòng	922.331	0,97	883.001	0,89	1.014.665	0,99
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.227.311	5,48	7.110.224	7,13	10.661.330	10,5
Chi phí bằng tiền khác	6.664.224	6,99	7.866.345	7,89	18.123.765	17,85
...

Nhìn chung, các khoản chi phí của công ty trong quý 2 khá là ổn định, chỉ có những khoản chi phí như chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác là trong tháng 6 có tăng lên nhiều so với tháng 4, tháng 5, đặc biệt chi phí bằng tiền khác đã tăng đột biến từ 7.866.345 đ (tháng 5) lên 18.123.765đ (tháng 6) tăng 10.257.420đ trong vòng 1 tháng, điều này đặt ra dấu hỏi chấm cho nhà quản lý công ty, tại sao chi phí tăng lên nhiều vậy trong một khoảng thời gian ngắn. Từ đó, các nhà quản lý sẽ có hướng đi tìm hiểu nguyên nhân và đề ra những biện pháp khắc phục tốt cho tình trạng trên. Nếu ta không lập bảng phân tích như trên, người quản lý sẽ chỉ thấy được chi phí tăng lên một cách chung chung, không thấy rõ được nguyên nhân chính xác nằm ở đâu, từ đó rất khó để đưa ra những giải pháp kịp thời và có tính chính xác cao. Ngoài ra việc tính tỷ trọng của các thành phần chi phí với tổng chi phí sẽ giúp nhà quản lý thấy được cơ cấu của chi phí rõ ràng, từ đó dựa trên đặc điểm sản xuất của công ty để điều chỉnh cơ cấu sao cho hợp lý và hiệu quả nhất.

Giải pháp là công ty cần tập trung vào làm giảm những chi phí như tránh sử dụng tràn lan điện, nước, điện thoại... Đối với khoản chi phí tiếp khách, hội họp, công ty cần quy định cụ thể số tiền hợp lý cho từng hoạt động. Thực hiện chính sách tiết kiệm hợp lý cũng như cân bằng chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.3. Giải pháp 3: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ tạo động lực cho khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời hạn tránh tình trạng nguồn vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng lớn và khó đòi.

Mức chiết khấu thanh toán của công ty có thể được xây dựng dựa theo các chiến lược cũng như tình hình thực tế tại công ty, doanh nghiệp cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

Khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Phương pháp hạch toán, căn cứ vào phiếu chi

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: Nếu bù trừ luôn vào khoản phải thu

Có TK 111, 112: Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, em xin đề xuất các tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

- + Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 15 ngày: 0,6%/tháng
- + Khách hàng thanh toán trước hạn từ 16 đến 30 ngày: 0,8%/tháng
- + Khách hàng thanh toán trước hạn trên 30 ngày 1%/tháng

Ví dụ: Ngày 05/09 công ty vận chuyển clinke Công ty Cổ phần vận tải Á Đông với cước vận chuyển là 62.040.100 (Cả VAT). Hạn thanh toán là 10/10 . Đến ngày 30/09 Công ty Cổ phần vận tải Á Đông đã thanh toán hết bằng chuyển khoản. Công ty Cổ phần vận tải Á Đông đã thanh toán sớm trước 10 ngày, do vậy khách hàng được hưởng mức chiết khấu thanh toán là 0,6%, công ty viết phiếu chi cho khoản chiết khấu thanh toán.

$$\text{➤ Số tiền chiết khấu} = \frac{0.6\% \cdot 10}{31} * 62.040.100 = 120.078 \text{ đồng.}$$

Định khoản: Nợ TK 635: 120.078

Có TK 111: 120.078

Kết chuyển: Nợ TK 911: 120.078
Có TK 635: 120.078

Biểu số 3.6: Phiếu chi

Công ty TNHH Quang Doanh
Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Máy Tơ -
Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Số: 206

Nợ TK 635: 120.078

Có TK 111: 120.078

Họ và tên người nhận tiền: Đinh Huy Hùng

Địa chỉ: Công ty Cổ phần vận tải Á Đông

Lý do chi: chiết khấu thanh toán

Số tiền: 120.078 đ

Viết bằng chữ: Một trăm hai mươi nghìn không trăm bảy mươi tám đồng/.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng	(Ký, họ tên)	phiếu	tiền
	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm nghìn tám trăm mười đồng/.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

3.2.3. Giải pháp 3: Áp dụng phần mềm kế toán

Việc áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán đang là xu hướng hiện nay với ưu điểm là mang lại hiệu quả cao trong công việc. Do đó công ty nên xem xét mua một trong những phần mềm kế toán thông dụng nhất hiện nay như MISA, Fast Accounting.... Với những phần mềm này công việc kế toán sẽ trở nên gọn nhẹ, nhanh chóng, mang lại hiệu quả cao trong việc.

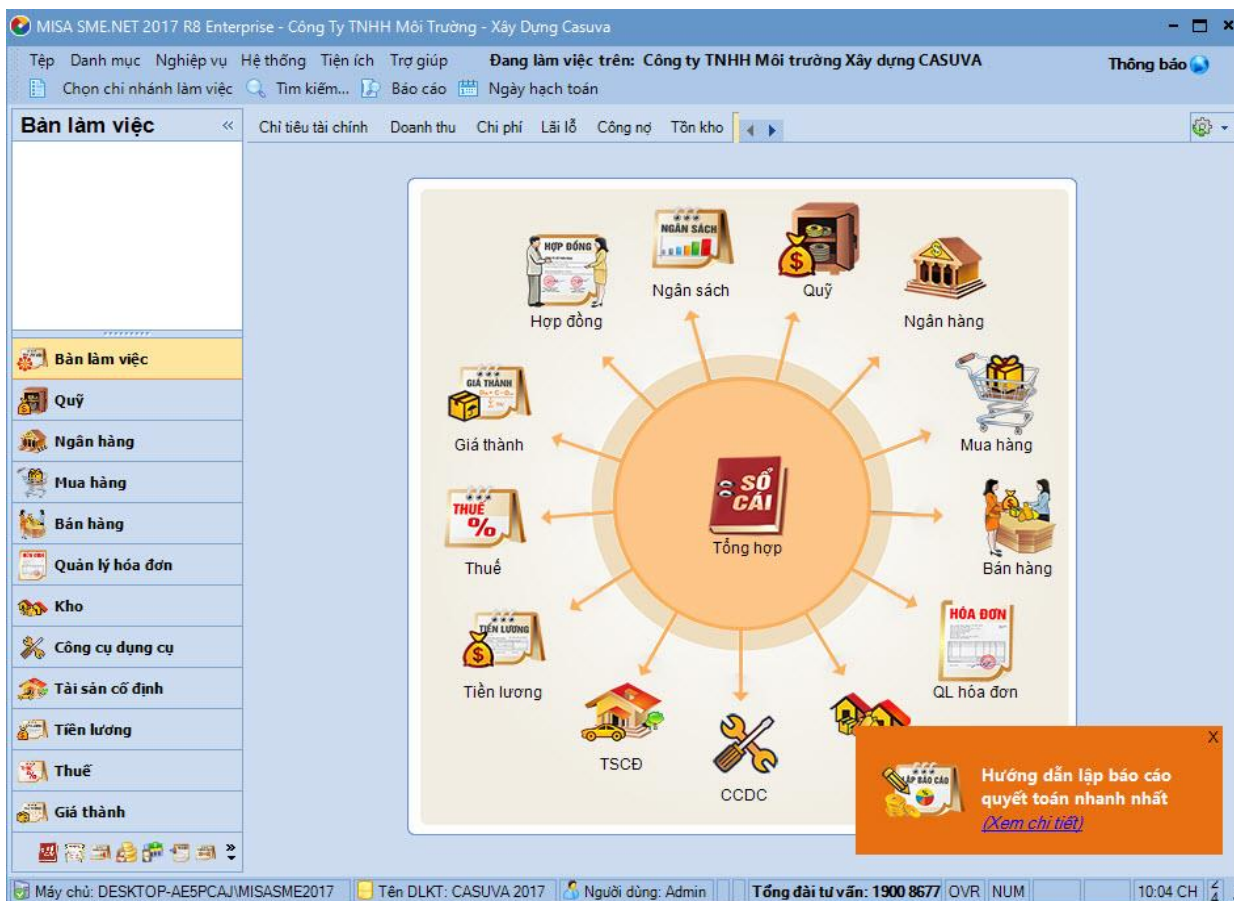
Dưới đây là một vài phần mềm phổ biến nhất:

❖ Phần mềm kế toán MISA

MISA SME.NET 2017 đang là phiên bản mới nhất của phần mềm kế toán MISA là phần mềm kế toán thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học mà vẫn có thể quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Ưu điểm là dễ dàng sử dụng, cập nhật liên tục các chế độ kế toán mới nhất, độ chính xác cao, khả năng bảo mật gần như tuyệt đối, có đầy đủ nghiệp vụ kế toán đặc thù cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017

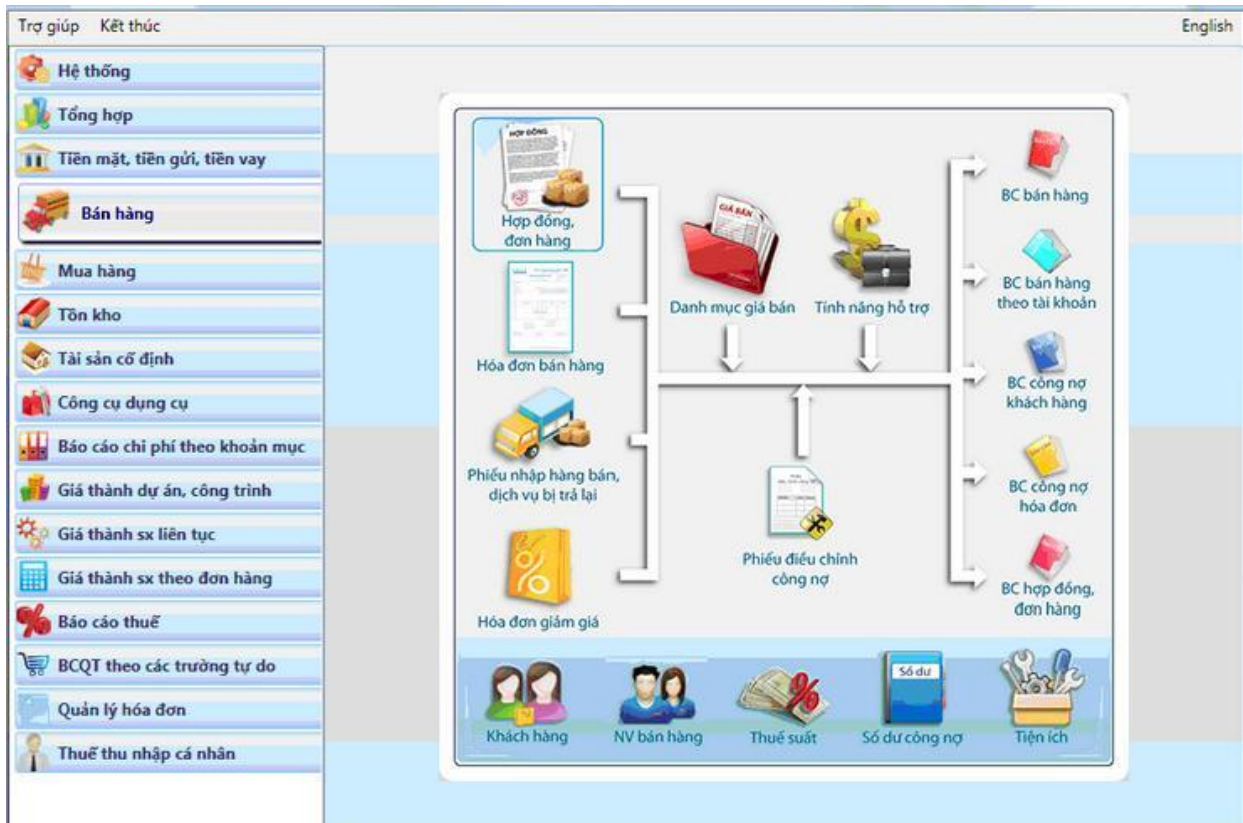


❖ Phần mềm kế toán Fast Accounting

Phần mềm kế toán Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến cấp tập đoàn.

Ưu điểm: giao diện thân thiện, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting



KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của cuốn luận văn tốt nghiệp với đề tài: “Hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh.”

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

Bài khóa luận: “Hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh” đã đề cập được những vấn đề lý luận cơ bản, tình hình thực tế và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác. Tuy nhiên, vì chưa có kinh nghiệm, chưa am hiểu kỹ càng về thực tế nên những biện pháp còn nặng lý thuyết, tính khả thi chưa cao song cũng là những ý kiến để công ty tham khảo.

- ✓ Về mặt lý luận: hệ thống hóa được những lý luận liên quan đến công tác kế toán về doanh thu và chi phí tại Công ty.
- ✓ Về mặt thực tế: bộ máy kế toán được tổ chức một cách hợp lý, hệ thống cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho công tác quản lý tại công ty. Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán vận hành theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung phù hợp với quy mô và đặc điểm sản xuất.

Tuy nhiên công ty còn tồn tại những hạn chế sau:

- ✓ Quá trình luân chuyển chứng từ qua các phòng ban diễn ra thường xuyên nhưng không có biên bản biên nhận bàn giao chứng từ để quy trách nhiệm khi thất lạc hoặc bị mất.
- ✓ Chưa so sánh được biến động trong doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để thấy được mức độ hiệu quả của hoạt động trong kỳ, mức độ tăng lợi nhuận so với mức độ tăng doanh thu và chi phí trong kỳ để đưa ra các biện pháp nhằm quản lý tốt và tiết kiệm chi phí.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức về bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, ý kiến đóng góp để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày...tháng...năm

Sinh viên

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 200 (2014), Bộ tài chính
2. Ngô Thế Chi & Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, nhà xuất bản tài chính
3. Công ty TNHH vận tải và dịch vụ thương mại Quang Doanh: Tài liệu, sổ sách kế toán (2016)